

Số: 202/BC-ĐSQB

Quảng Bình, ngày 19 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình
Năm báo cáo: Năm 2018

PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên công ty: Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình
- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình
- Tên Tiếng Anh: QUANG BINH RAILWAY JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: QBR.,JSC
- Giấy đăng ký kinh doanh: Số 3100213455 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp ngày 06/12/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 01/3/2018.
- Vốn điều lệ: 17.605.000.000 đồng
- Trụ sở chính: Số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
- Điện thoại: 0232. 3838909
- Fax: 0232. 3836742
- Email: duongsatquangbinh@gmail.com
- Website: <http://duongsatquangbinh.vn>
- Mã cổ phiếu: QBR
- Thị trường giao dịch: UPCOM

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân ban đầu của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình là Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình.
- Ngày 23 tháng 11 năm 1981, Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường sắt Việt Nam đã ban hành Quyết định số 454/LĐTL về việc thành lập Đoạn cầu đường Quảng Bình.
- Ngày 17 tháng 04 năm 1998, Bộ Giao thông Vận tải có quyết định số 867/1998/QĐ/TCCB-LĐ về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Bình.
- Tháng 3 năm 2003 đơn vị chính thức đổi tên thành Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Bình theo quyết định số 734/2003/QĐ-BGTVT ngày 20/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.



- Ngày 29 tháng 6 năm 2010, Hội đồng quản trị Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có quyết định số 710/QĐĐS chuyển Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Bình thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình.

- Ngày 11/12/2015, Công ty thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBankSc), với tổng số lượng cổ phần chào bán đấu giá công khai là: 88.045 cổ phần, giá đấu thành công bình quân thấp nhất: 10.000 đồng/cổ phần.

- Ngày 28/12/2015 Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thành lập Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình. Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình chính thức đi vào hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp: 3100213455 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 14/01/2016 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp. Với số vốn điều lệ đăng ký là 17.605.000.000 đồng (Mười bảy tỷ, sáu trăm linh năm triệu đồng chẵn).

- Với truyền thống và kinh nghiệm gần 38 năm trong lĩnh vực quản lý, thi công xây dựng sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia từ năm 1981 đến nay, Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình tự hào là một trong những doanh nghiệp có uy tín trong lĩnh vực quản lý, thi công xây lắp công trình xây dựng trong và ngoài ngành, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt đảm bảo chất lượng và an toàn chạy tàu; cứu chữa, khôi phục sự cố thiên tai, tai nạn chạy tàu. Công ty có một đội ngũ đầy kinh nghiệm sẵn sàng thực hiện mọi nhiệm vụ được giao góp phần xây dựng ngành Giao thông và đơn vị ngày càng phát triển, nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững của ngành đường sắt nói riêng, ngành Giao thông vận tải nói chung.

- Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình hoạt động theo hệ thống pháp luật Nhà nước; là công ty hoạt động trong lĩnh vực ngành đường sắt. Hiện nay, Công ty gồm có Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, 4 phòng nghiệp vụ, 4 đội quản lý đường sắt, 03 chi nhánh và các tổ chức chính trị như Đảng, Công đoàn và Đoàn TNCSHCM; có 542 cán bộ công nhân viên, trong đó có gần 70 kỹ sư, cử nhân có trình độ đại học, có kiến thức chuyên môn sâu và giàu kinh nghiệm; Hơn 450 công nhân kỹ thuật lành nghề. Định hướng phát triển của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình là đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ; mở rộng lĩnh vực sản xuất công nghiệp (sản xuất cầu kiện BT, cầu kiện thép, phụ kiện chuyên ngành Đường sắt, dịch vụ du lịch khách sạn, ăn uống...); đầu tư các dự án xây dựng có tiềm năng.

3. Các giải thưởng tiêu biểu

Cùng với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, thi công xây dựng các công trình đường sắt, Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình đã vinh dự nhận được nhiều giải thưởng cao quý do Chủ tịch nước trao tặng như: Huân chương lao động hạng ba năm 1992, Huân chương lao động hạng nhì năm 1997, Huân chương lao động hạng nhất năm 2008, Huân chương độc lập hạng ba năm 2014 và nhiều cờ, bằng khen của Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, các Bộ khác, các Tổ chức Chính trị xã hội và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình trao tặng. Công ty nhiều năm đạt danh hiệu Đơn vị dẫn đầu thi đua và tiên tiến của Tổng công ty và nhiều cờ thi đua, bằng khen của các Bộ, ngành Trung ương và địa phương tặng cho các tập thể và cá nhân xuất sắc.

4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a) Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

- Tư vấn lập dự án đầu tư, thẩm định báo cáo đầu tư, khảo sát thiết kế, thẩm định giá, giám sát các công trình giao thông, dân dụng;

- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình về: Giao thông đường sắt, đường bộ, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, đường dây truyền tải điện và trạm biến áp;

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt; trang thiết bị dụng cụ lao động, bảo hộ lao động.

b) Địa bàn kinh doanh

Tập trung chủ yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Công ty con, công ty liên kết, chi nhánh trực thuộc: Có 03 chi nhánh

b) Nhà đầu tư nắm giữ 51% cổ phần: Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

Địa chỉ: 118 đường Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 39425972; Fax: (84-4) 39422866

Vốn điều lệ: 2.268.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai nghìn hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh:

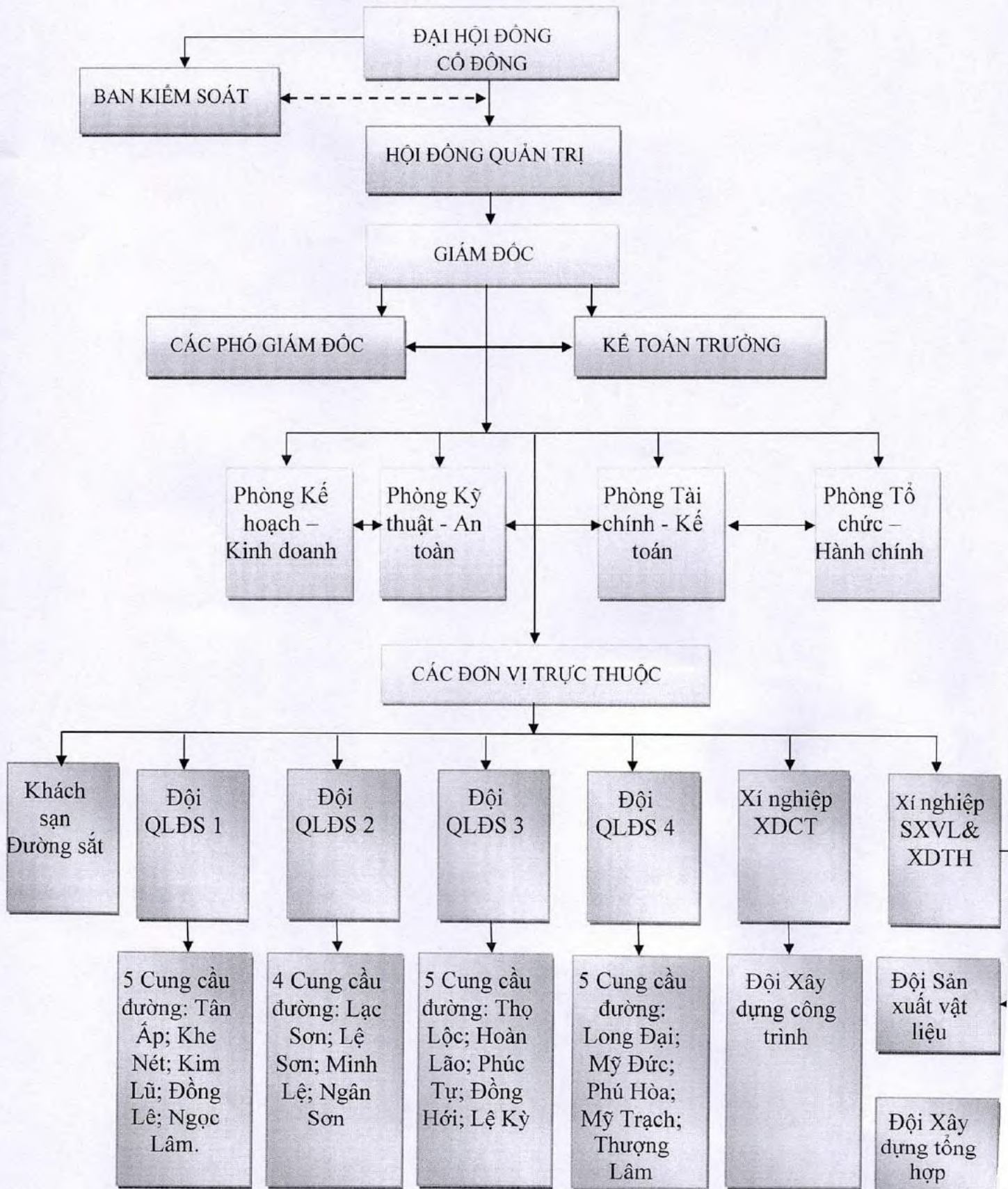
Ngành, nghề kinh doanh chính: Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế; quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; kinh doanh hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt; điều hành giao thông vận tải đường sắt quốc gia; đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ đường thủy, đường hàng không; tư vấn, khảo sát, thiết kế, chế tạo, đóng mới và sửa chữa các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí.

Ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính: Tư vấn, khảo sát thiết kế, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng; dịch vụ viễn thông và tin học; kinh doanh xăng, dầu, mỡ bôi trơn của ngành đường sắt; kinh doanh kho bãi và dịch vụ hỗ trợ cho vận tải.

Tỷ lệ góp vốn tại công ty: 8.978.550.000 đồng (tính theo mệnh giá) tương ứng 51%/vốn điều lệ.

c) Cơ cấu bộ máy quản lý:

Sơ đồ bộ máy tổ chức



6. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của ngành đường sắt

Cải tạo nâng cấp các tuyến hiện có, trong đó ưu tiên trên tuyến đường sắt Bắc Nam.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Đến năm 2020: Hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế nhà máy khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn...; phần đầu hoàn thành xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Đồng Đăng - Hà Nội; nhanh chóng phát triển giao thông vận tải đường sắt tại các đô thị, trước mắt ưu tiên triển khai tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; ưu tiên xây dựng trước một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; từng bước cải tạo mở rộng các khu đoạn đường sắt đơn hiện có thành đường đôi điện khí hoá và mở rộng các tuyến đường sắt đô thị đáp ứng nhu cầu vận tải nội - ngoại ô cũng như các vùng đô thị lớn.

Đến năm 2030: Hoàn thành mạng đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng mạng đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nơi các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

b) Mục tiêu của Công ty:

Xây dựng Công ty ngày càng phát triển, đưa Công ty trở thành một nhà thầu thi công chuyên nghiệp, năng động, uy tín, thương hiệu.

Đảm bảo trạng thái kỹ thuật đường sắt và an toàn giao thông đường sắt trong phạm vi được đặt hàng sản phẩm quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt.

Hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, góp phần xây dựng, phát triển đất nước.

Huy động mọi nguồn lực hiện có, tổ chức sản xuất có hiệu quả nhằm tối đa hoá lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, bảo đảm lợi ích cho cổ đông.

c) Mục tiêu đối với môi trường:

Phát triển bền vững, nhằm đảm bảo giữ cân bằng giữa phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Áp dụng các công nghệ sạch, công nghệ ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu bằng cách trang bị, đầu tư các thiết bị công nghệ mới, công nghệ tiên tiến.

d) Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng:

Tổ chức và tham gia các hoạt động xã hội, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, góp phần tham gia vào sự phát triển của địa phương.

7. Các rủi ro

a) Rủi ro kinh tế

Tăng trưởng kinh tế thế giới 2018 cao hơn năm 2017. Chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn tiếp tục xu hướng thắt chặt làm cho lãi suất tăng dần, từ đó làm giảm nguồn cung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, Cùng với giá

hàng hóa thế giới năm 2018 tăng chủ yếu do tăng giá năng lượng và giá kim loại là những yếu tố ảnh hưởng đáng kể đến các ngành thép và dầu khí được xem là đầu vào của ngành vận tải đường sắt trên Thế giới và Việt Nam.

Theo đó, năm 2018, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) của Việt Nam tăng 7,88% so với năm 2017 nhờ sự cải thiện ở cả tổng cung của nền kinh tế. Lạm phát vẫn được giữ ở mức thấp dưới 4%. Vì vậy, với ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh vận tải đường sắt, xây dựng, sửa chữa, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ không thể tránh khỏi tác động của các yếu tố kinh tế thay đổi này.

Tình hình chung ngành đường sắt năm 2018:

Năm 2018 tiếp tục là một năm khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Đó là hạn chế về năng lực nội lực; áp lực cạnh tranh ngày càng tăng với các phương tiện khác, bão lũ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hạ tầng. Trong khi đó, vốn cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt năm qua rất hạn hẹp, chưa có dự án mới triển khai vì vậy chưa có sự đột phá về chất lượng, năng lực kết cấu hạ tầng đường sắt, công việc của các công ty cổ phần xây lắp tiếp tục khó khăn. Tuy nhiên, sau những nỗ lực đổi mới, vận tải đường sắt đã có sự khởi sắc. Sản lượng, doanh thu toàn Tổng công ty bước đầu hồi phục đà tăng trưởng, chặn được đà sụt giảm thị phần vận tải đường sắt. Đã đóng mới, đưa vào vận dụng hàng loạt ram tàu khách thế hệ mới, ứng dụng nhiều công nghệ hiện đại đáp ứng nhu cầu của thị trường, chất lượng đảm bảo. Công tác an ninh - an toàn giao thông đường sắt bước đầu kiểm soát được những tiềm ẩn nguy cơ đe dọa an toàn chạy tàu, an toàn giao thông đường sắt giảm cả 3 tiêu chí so với năm 2017.

b) Rủi ro đặc thù ngành đường sắt

Đặc thù của hoạt động quản lý, bảo trì đường sắt Quốc gia là một trong những lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động, độc hại, nguy hiểm, điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công vừa chạy tàu. Do đó sản phẩm phải làm đi làm lại nhiều lần, ảnh hưởng đến năng suất lao động, đồng thời có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố.

Bên cạnh đó, để phát triển ngành Đường sắt đòi hỏi phải tốn nhiều chi phí và nguồn vốn lớn như chi phí khấu hao, nguồn vốn tín dụng, vốn ODA (vốn hỗ trợ phát triển chính thức của nước ngoài) để đầu tư, cải tạo cầu đường sắt, phát triển cơ sở hạ tầng, hệ thống máy móc, đầu máy, phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nhìn chung các nguồn vốn này đều thấp hơn so với nhu cầu chi dùng và phát triển của Đường sắt Việt Nam, hiện chưa khắc phục tình trạng lạc hậu, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật của đường sắt để đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm phát triển bền vững ngành Đường sắt Việt Nam.

Áp lực từ khách hàng: Dù có nhu cầu về kinh tế, văn hóa, xã hội khác nhau nhưng sử dụng dịch vụ vận tải đường sắt đã khá quen thuộc với người dân Việt Nam khi có nhu cầu vận chuyển hay đi lại ở cự ly trung bình và dài. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi cho sự tăng trưởng của ngành đường sắt, nhưng nó cũng đòi hỏi ngành đường sắt khi thực hiện dịch vụ vận tải phải đáp ứng nhu cầu hiện đại về an toàn, môi trường, tốc độ, chất lượng và giá cả từ phía khách hàng.

Áp lực từ sản phẩm thay thế: Trong thời điểm hiện nay, các ngành hàng không, đường bộ ngày càng phát triển, chất lượng dịch vụ ngày càng cao dễ dàng thay thế ngành đường sắt vì hạ tầng quá lâu đời, chất lượng tàu và công nghệ lạc hậu. Hơn nữa, vận tải đường sắt kém linh hoạt hơn vận tải đường bộ, tàu hỏa không thể cung cấp dịch vụ đến một địa điểm bất kỳ và chỉ có thể vận chuyển hành khách, hàng hóa từ ga đến ga, theo lịch trình cố định. Vì vậy chi phí vận chuyển cũng tương đối cao hơn so với vận tải bằng đường bộ.

Áp lực từ đối thủ cạnh tranh: Với cơ chế đấu thầu nhằm tạo tính công khai, minh bạch, góp phần khắc phục những khó khăn cho ngân sách nhà nước và nguồn lực đầu tư eo hẹp cho các dự án phát triển hạ tầng đường sắt quốc gia, đã tạo ra thách thức đối với Công ty trong việc cạnh tranh với các công ty tư nhân khác trong ngành, Công ty phải đối mặt với rất nhiều khó khăn để giữ vững và mở rộng thị phần, cũng như khẳng định được vị thế của Công ty trong ngành. Đây được xem là động lực thúc đẩy Công ty không ngừng nỗ lực hoàn thành các công trình hạ tầng đường sắt có chất lượng tốt.

Tình hình người dân sống dọc hai bên đường sắt lấn chiếm, tái lấn chiếm, xây dựng các công trình, chèn lấn gia súc trong hành lang an toàn giao thông đường sắt, làm ảnh hưởng đến công tác an toàn chạy tàu. Tình hình vi phạm quy định khi tham gia giao thông tại các điểm giao cắt giữa đường sắt và đường bộ của người dân đã ảnh hưởng đến công tác của nhân viên đường sắt đang thi hành nhiệm vụ, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn chạy tàu.

c) Rủi ro giá nguyên vật liệu

Đối với ngành xây dựng, thi công, sửa chữa đường sắt, vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty hoạt động trong ngành này. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại nguyên nhiên vật liệu có ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của công ty, trong khi giá cả dịch vụ công không thể điều chỉnh tăng tương ứng. Công ty khó có thể xoay sở kịp với sự tăng giảm thất thường của giá nguyên liệu đầu vào, đồng thời cũng không thể điều chỉnh ngay lập tức giá bán sản phẩm khi chi phí đầu vào tăng lên vì mục tiêu đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Từ đó ảnh hưởng lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

d) Rủi ro luật pháp

Được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Công ty chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam trong đó chủ yếu chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và Luật Đường sắt cùng các thông tư, nghị định hướng dẫn thực hiện. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi đôi khi chưa đạt hiệu quả cao. Do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Để khắc phục rủi ro này, Công ty liên hệ với các đơn vị tư vấn để được tư vấn những chính sách đúng đắn, nhằm cập nhật các quy định pháp luật và bảo đảm quyền lợi cho cổ đông. Mặt khác, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV để trang bị kiến thức, kỹ năng, chủ động trước những biến động đột xuất, bất ngờ (do hợp đồng với tư vấn cần phải có thời gian nhiều hơn để làm quen và xử lý số liệu).

e) Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng. Mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu bằng cách thường xuyên cập nhật tình hình thời tiết, đề ra cách phòng tránh thiên tai, cháy nổ để ứng phó kịp thời với những trường hợp bất khả kháng, hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản.

f) Các giải pháp hạn chế rủi ro:

- Kịp thời nắm bắt các định hướng, chiến lược phát triển ngành đường sắt của Chính phủ trong từng thời kỳ. Nắm bắt kịp thời kế hoạch đầu tư bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hàng năm để nhận đặt hàng.

- Điều hành dòng tiền hợp lý, tăng vòng quay của đồng vốn, giảm hàng tồn kho. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động, tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp, kỷ luật, sáng tạo v.v...

- Thường xuyên đôn đốc công nợ khách hàng, tránh nợ đọng, nợ khó đòi...

- Các hoạt động SXKD của Công ty luôn gắn liền với bảo vệ môi trường, quan tâm đến phúc lợi xã hội, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

PHẦN II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

DVT: Triệu đồng

ST T	Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018		Tỷ lệ năm 2018/năm 2017
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	140.031	99,39	126.977	99,34	91,94%
2	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập hoạt động khác	856	0,61	849	0,66	99,18%
	Tổng cộng	140.887	100	127.826	100	90,72%

Doanh thu năm 2018 chỉ đạt 91,94% so với năm 2017 (Doanh thu năm 2018 đã trừ 8,161 tỷ đồng tiền ray do Tổng công ty cấp) trong khi đó giá sản phẩm quản lý, bảo dưỡng KCHT ĐS năm 2018 tăng 12,39% so với năm 2017, tuy nhiên doanh thu từ công trình ngoài SX chính chỉ đạt 42,98 so với năm 2017 làm doanh thu chung trong năm của Công ty giảm so với năm 2017. Nguyên nhân do năm 2017 Công ty đẩy mạnh tiêu thụ hàng tồn kho, thu hồi công nợ của các công trình

từ những năm trước (cuối năm 2017 Công ty đã thu hồi công nợ được 34 tỷ đồng). Mặt khác, trong năm 2018 công tác tìm kiếm việc làm gặp nhiều khó khăn mặc dù HĐQT, Ban điều hành đã hết sức cố gắng nhưng doanh thu ngoài sản xuất chính chỉ đạt 42,98% so với năm 2017.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu tại 31/12/2018	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Ngọc Sơn	Giám đốc	21.800	1,24%
2	Đoàn Thuận	Phó Giám đốc	11.300	0,64%
3	Trương Hữu Mạnh	Phó Giám đốc	17.600	1,00%
4	Mai Thị Tuyết Lan	Kế toán trưởng	96.745	5,50%

Lý lịch Ban điều hành, Kế toán trưởng:

*** GIÁM ĐỐC: TRẦN NGỌC SƠN**

- Giới tính : Nam
 - Ngày sinh : 30/10/1974
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố 5, phường Nam Lý, TP Đồng Hới, Quảng Bình.
 - Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố 5, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình.
 - Số CMND:194410389; Nơi cấp: CA Quảng Bình; Ngày cấp: 23/02/2011
 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cầu hầm đường sắt
 - Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty.
- Quá trình công tác:
- Từ tháng 3/1994 đến tháng 12/1995: Công nhân Cung cầu La Khê thuộc Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;
 - Từ tháng 01/1996 đến tháng 7/2002: Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật; Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;
 - Từ tháng 8/2002 đến tháng 9/2006: Bí thư Đoàn thanh niên Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;
 - Từ tháng 10/2006 đến tháng 11/2006: Trưởng phòng TCCB-LĐ Công ty Quản lý đường sắt Quảng Bình;
 - Từ tháng 12/2006 đến tháng 11/2011: Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Công ty Quản lý đường sắt Quảng Bình;
 - Từ tháng 12/2011 tháng 12/2015: Phó Bí thư thường trực Đảng ủy kiêm Phó Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình.

- Từ tháng 01/2016 đến 28/02/2018: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc Công ty.

- Từ 01/3/2018 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân: 21.800 cổ phần

Sở hữu đại diện cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam: 448.927,5 cổ phần

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

*** PHÓ GIÁM ĐỐC: ĐOÀN THUẬN**

- Giới tính : Nam

- Ngày sinh : 10/10/1970

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Hộ khẩu thường trú: Phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Chỗ ở hiện tại: Phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Số CMND: 194212740; Nơi cấp: CA Quảng Bình; Ngày cấp: 19/8/2013

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng cầu đường.

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Phó Giám đốc Công ty

Quá trình công tác:

- Từ tháng 5/1992 đến tháng 8/1993: Công nhân duy tu sửa chữa đường sắt; Cung đường Khe Nét thuộc Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 9/1993 đến 01/1995: Thống kê Đội đường 2 thuộc Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 02/1995 đến 01/1998: Thống kê Đội máy chèn thuộc Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 02/1998 đến 02/2005: Chuyên viên phòng TCCB-LĐ Công ty quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 3/2005 đến 7/2013: Phó trưởng phòng Kế hoạch Công ty TNHH MTV quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 8/2013 đến 11/2014: Phó trưởng phòng Kế hoạch kiêm phụ trách Tổ dự án Công ty TNHH MTV quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 12/2014 đến 02/2018: Trưởng phòng KH-KD Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình.

- Từ tháng 3/2018 đến nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân: 11.300 cổ phần

Sở hữu đại diện cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam: 0 cổ phần

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

*** PHÓ GIÁM ĐỐC: TRƯƠNG HỮU MẠNH**

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 30/7/1963

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 6, phường Nam Lý, TP Đồng Hới, Quảng Bình.

- Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố 6, phường Nam Lý, TP Đồng Hới, Quảng Bình.

- Số CMND: 194090122; Nơi cấp: CA Quảng Bình; Ngày cấp: 02/02/2006.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng đường sắt

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Phó Giám đốc

Quá trình công tác:

- Từ tháng 1/1989 đến tháng 7/1989: Thực tập công nhân Cung đường La Khê Xí nghiệp đường sắt Nghệ Tĩnh.

- Từ tháng 8/1989 đến tháng 11/1995: Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật thuộc Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 12/1995 đến tháng 12/2000: Giám sát viên đường phòng Kỹ thuật thuộc Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 01/2001 đến tháng 5/2002: Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật thuộc Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 6/2002 đến tháng 7/2003: Phó phòng Kỹ thuật Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 8/2003 đến tháng 12/2015: Trưởng phòng Kỹ thuật & ATGTĐS; Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 1/2016 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Đường sắt Quảng Bình.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân: 17.600 cổ phần

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

*** KẾ TOÁN TRƯỞNG: MAI THỊ TUYẾT LAN**

- Giới tính: Nữ

- Ngày sinh: 02/09/1977

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Hộ khẩu thường trú: Xã Bảo Ninh, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
- Chỗ ở hiện tại: Xã Bảo Ninh, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
- Số CMND: 194057527; Nơi cấp: CA Quảng Bình; Ngày cấp: 18/8/2011
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Kế toán trưởng .

Quá trình công tác:

- 11/1999-8/2003: Chuyên viên tại Công ty CP Gốm sứ Quảng Bình;
- 9/2003 đến 3/2011: Chuyên viên phòng Tài chính kế toán, phòng TCCB-LĐ Công ty TNHH MTV QLĐS Quảng Bình;
- 04/2011-6/2013: Phó phòng TCCB-LĐ, phó phòng TCKT Công ty TNHH MTV QLĐS Quảng Bình
- 7/2013-6/2014: Trưởng phòng TCKT Công ty TNHH MTV QLĐS Quảng Bình.

- 7/2014 đến nay: Kế toán trưởng Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân: 96.745 cổ phần

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

b) Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BGD trong năm 2018:

- Ông Đỗ Bá Tâm miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/3/2018, ngày 20/4/2018 Đại hội cổ đông miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT (nghỉ hưu).

- Bà Hoàng Thị Tư được Đại hội cổ đông năm 2018 miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát từ 20/4/2018 (nghỉ hưu).

- Ông Lê Hùng Cường được Đại hội cổ đông năm 2018 miễn nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát từ 20/4/2018 (chấm dứt HĐLĐ tại Công ty).

- Ông Trần Văn Sáu được HĐQT bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ 01/3/2018.

- Ông Nguyễn Văn Minh được Đại hội cổ đông năm 2018 bầu giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị từ 20/4/2018.

- Ông Trần Ngọc Sơn được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công ty từ 01/3/2018.

- Ông Đoàn Thuận được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty từ 01/3/2018.

- Bà Đỗ Thị Thùy Giang được Đại hội cổ đông năm 2018 bầu giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát từ 20/4/2018.

- Ông Lê Minh Tâm được Đại hội cổ đông năm 2018 bầu giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát từ 20/4/2018.

c) Số lượng cán bộ công nhân viên (tại ngày 31/12/2018)

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	534	100%
1	Trên đại học	2	0,37%
2	Đại học	56	10,49%
3	Cao đẳng	5	0,93%
4	Trung cấp	10	1,87%
5	CNKT	461	86,34%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	534	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	0	0%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	534	100%
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0%
C	Theo giới tính	534	
1	Nam	429	80,33%
2	Nữ	105	19,67%

d) Thu nhập bình quân

Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tổng số người lao động bình quân	693	558	517	542
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	5.915.000	7.050.000	7.760.000	8.536.000

e) Chính sách nhân sự

Để xây dựng nguồn lực, Công ty đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên, thực hiện chính sách thu hút lao động. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ phục vụ cho công tác quản lý lao động.

Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, đảm bảo cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Ngoài tiền lương, Công ty xây dựng chế độ thưởng theo quy chế khen thưởng chung của Nhà nước và Bộ Giao thông Vận tải và Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Ngoài điều kiện lao động, chế độ tiền lương và thưởng, Công ty cũng sẽ tiếp tục truyền thống của đơn vị là chăm lo phúc lợi xã hội khác cho người lao động như tham quan, nghỉ mát, du lịch; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... để nâng cao đời sống tinh thần; tham gia chương trình phúc lợi xã hội khác.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

a) Dự án đầu tư xây dựng: Không có.

b) Dự án đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, sửa chữa nâng cấp tài sản: Không có.

4. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ năm 2018/ năm 2017
Tổng tài sản	74.374.081.909	70.396.058.990	94,65%
Vốn chủ sở hữu	20.125.340.779	20.563.559.177	102,18%
Doanh thu thuần	140.031.422.021	126.977.109.599	90,68%
Giá vốn hàng bán	124.846.731.651	118.231.333.748	94,70%
Chi phí tài chính	1.581.917	1.863.014	117,77%
Chi phí bán hàng	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.638.311.501	14.335.380.983	123,17%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.259.580.818	3.390.377.677	79,59%
Lợi nhuận khác	(886.704.921)	(33.684)	
Lợi nhuận trước thuế	3.372.875.897	3.390.343.993	100,52%
Lợi nhuận sau thuế	2.520.340.779	2.706.525.099	107,39%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.432	1.537	107,33%
Tỷ lệ cổ tức (%)	10%	11%	110,00%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,08	1,15
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,01	1,08
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	72,94	70,79
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	269,55	242,33
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	37,62	32,42
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,67	1,87
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,80	2,00
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	12,53	13,30
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,01	3,74
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,04	2,51

5. Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu:

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 1.760.500 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.760.500 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông: *Tính đến ngày 31/12/2018.*

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
II	Cổ đông nội bộ	-	-	-
III	Cổ đông trong nước	1.760.500	17.605.000.000	100%
1	Cá nhân	862.645	8.626.450.000	49%
2	Tổ chức	897.855	8.978.550.000	51%
IV	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
Tổng cộng		1.760.500	17.605.000.000	100%

Danh sách cổ đông lớn: *Tính đến ngày 31/12/2018.*

Tên nhà đầu tư	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	897.855	51,00%
Đỗ Bá Tâm	184.500	10,48%
Mai Thị Tuyết Lan	96.745	5,50%
Nguyễn Văn Minh	93.550	5,31%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.

6. Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

a) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty chủ yếu là các vật tư chuyên ngành được cung cấp bởi các Công ty trong ngành đường sắt, các đơn vị được công nhận cung cấp vật tư đường sắt và nhập khẩu được kiểm soát nghiêm ngặt bởi Bộ Giao thông vận tải, Tổng Công ty đường sắt Việt Nam và Công ty trước khi đưa vào sử dụng công trình như: ray, ghi, tà vẹt bê tông dự ứng lực, tà vẹt gỗ, đá balats... Còn đối với vật tư đầu vào để Công ty sản xuất các cấu kiện bê tông cốt thép, gia công cấu kiện sắt thép, biển báo như: cát, đá, xi măng, sắt thép, sơn... được mua tại các đơn vị có uy tín và được kiểm nghiệm đầy đủ trước khi đưa vào sản xuất. Vì vậy, quy trình sản xuất các sản phẩm của Công ty được đảm bảo từ đầu vào đến đầu ra.

Thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm. Rà soát thanh lý các loại vật tư, phụ tùng không còn sử dụng trong sản xuất để thu hồi vốn.

b) Tiêu thụ năng lượng:

Công ty chú trọng công tác kiểm soát định mức sử dụng năng lượng, đánh giá sử dụng năng lượng được thực hiện định kỳ nhằm tìm hiểu nguyên nhân, đưa ra hướng khắc phục nếu việc sử dụng năng lượng có hiện tượng bất thường. Năng lượng công ty sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên khi làm nhiệm vụ chủ yếu gồm: Xăng, dầu diezen, dầu nhớt, điện...

Trong đó:

- Xăng: 12.953 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô phục vụ hành chính, vận chuyển vật liệu và máy thi công đường sắt.

- Dầu diezen: 76.850 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô và máy thi công đường sắt như máy thay tà vẹt, máy chèn đường, máy đa năng...

- Dầu nhớt: 1.937 lít: được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô và máy thi công đường sắt.

- Điện: 95.100 KWh phục vụ sản xuất cho Cơ quan và các đơn vị trong toàn Công ty.

c) Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

Công ty ký hợp đồng mua nước tại Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình để phục vụ nước sinh hoạt cho văn phòng Công ty, đối với những khu vực không có nước sạch Công ty cung cấp thiết bị lọc nước nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Đối với những khu vực sản xuất cấu kiện bê tông được sử dụng giếng khoan nơi có nguồn nước ngầm sạch nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Lượng nước sử dụng trong năm 2018: 5.400 m³.

d) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Năm 2018, Công ty tiếp tục tiến hành xây dựng kế hoạch thực hiện bảo vệ môi trường trong toàn Công ty đã đăng ký từ năm 2015. Trên cơ sở đó triển khai đến các đơn vị trong toàn Công ty thực hiện. Ngoài ra, để thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, Công ty đã thành lập ban chỉ đạo bảo vệ môi trường Công ty, đề xuất nhiệm vụ bảo vệ môi trường lên Tổng Công ty đường sắt Việt Nam, phổ biến đầy đủ các văn bản pháp luật liên quan bảo vệ môi trường đến toàn thể cán bộ công nhân viên, hưởng ứng, thực hiện nhiều chiến dịch bảo vệ môi trường như ngày môi trường thế giới 05/6, ngày môi trường đường sắt 5/11 và các chiến dịch khác về bảo vệ môi trường do ngành và nhà nước phát động. Công ty cũng xúc tiến đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Hới xác nhận trong năm 2015. Trong năm 2018, Công ty không để xảy ra các sự cố liên quan đến môi trường hay các trường hợp vi phạm về môi trường dẫn đến bị xử phạt.

7. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Chính sách đào tạo

CBCNV của Công ty đều được đào tạo đầy đủ, Công ty thường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thường xuyên tổ chức các hội thi tay nghề và nghiệp vụ. Đối với cấp quản lý, Công ty cử cán bộ tham gia các lớp học của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, các cơ quan Nhà nước... nhằm nâng cao nghiệp vụ và nắm bắt các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

Đối với công nhân mới tuyển dụng đã qua trường lớp cơ bản, hàng năm Công ty có gửi đi đào tạo lại để nắm bắt kỹ thuật mới.

Đối với cán bộ quản lý, Công ty có những chính sách sau:

- Thực hiện quy hoạch cán bộ nguồn trung và dài hạn;
- Ưu tiên đào tạo nâng cao lớp cán bộ trẻ để thay thế dần số cán bộ cao tuổi;
- Hàng năm gửi các cán bộ đi học để chuẩn hoá cán bộ.

b) Chế độ khen thưởng

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của Công ty gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và năng suất lao động của mỗi CBCNV cho mỗi sản phẩm hoặc kết quả từng công đoạn sản phẩm, công trình. Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:

Thưởng cho các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong năm, thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất làm lợi cho doanh nghiệp;

Chi trả công khuyến khích trong các dịp lễ tết của quốc gia và của ngành, Công ty.

Trong năm Công ty đã chi từ Quỹ khen thưởng để thưởng cho CBCNV số tiền 440.500.000 đồng chưa bao gồm Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành.

c) Chế độ phụ cấp, bảo hiểm

Tất cả nhân viên của Công ty đều được đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và hưởng các trợ cấp xã hội phù hợp với Luật Lao động. Bên cạnh đó, nhân viên của Công ty còn nhận được các phụ cấp theo chế độ như phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm chuyên môn...

Là doanh nghiệp hoạt động SXKD trong lĩnh vực giao thông đường sắt là chủ yếu, với phạm vi hoạt động trải dài trên địa bàn tỉnh Quảng Bình nhưng Công ty đã bố trí hợp lý cho CBCNV trong Công ty đều có chỗ ở ổn định, do đó đã tạo điều kiện cho CBCNV yên tâm công tác.

d) Sinh hoạt đoàn thể và các chính sách khác

Các tổ chức chính trị xã hội như Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên trong doanh nghiệp được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật. Các tổ chức này đều trực thuộc các tổ chức Đảng, đoàn thể của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Trong năm các tổ chức đoàn thể đã phối hợp chuyên môn tổ chức hiệu quả các phong trào thi đua, các hoạt động sinh hoạt đoàn thể, các hoạt động thể thao cho CBCNV như: Tổ chức hội thao truyền thống của Công ty, ngày Quốc tế thiếu nhi, ngày tết Trung thu cho các cháu thiếu nhi, và các hoạt động khác nhằm tạo không khí vui tươi, thân thiện cho toàn thể CBCNV, tổ chức khám bệnh định kỳ cho toàn thể CBCNV Công ty.

8. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty đặc biệt chú trọng tổ chức các hoạt động cứu trợ xã hội, từ thiện..., tham gia với khối sản xuất kinh doanh, dịch vụ trung ương đóng trên địa bàn tỉnh xây dựng nhà tình thương; đóng quỹ xã hội ngành đường sắt và ủng hộ Quỹ Vì người nghèo và ủng hộ các hoạt động xã hội nhân đạo khác, qua đó xây dựng tinh thần hỗ trợ, đùm bọc trong tập thể nhân viên Công ty với nhau và với xã hội.

**PHẦN III
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Khối lượng, sản lượng chính đã thực hiện

Hoàn thành 100% khối lượng bảo dưỡng thường xuyên định kỳ theo hợp đồng đặt hàng của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, đạt 127,124 triệu đồng với các sản phẩm chính gồm:

- Đường đồng bằng:

1	Đường chính	Km	157,492
2	Đường Ga	Km	24,909
3	Ghi	Bộ	99,000
4	Cầu	100m	33,984
5	Cống	100m	41,007
6	Hầm	100m	6,840
7	Nhà ga, kho ga	100m ²	59,373

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

8	Ke ga, bãi hàng	1000m ²	61,078
9	Điểm gác đường ngang	Điểm	27,000
- Đường đèo Khe Nét:			
1	Đường chính	Km	9,683
2	Đường ga	Km	1,114
3	Ghi	Bộ	5,000
4	Cầu	100m	2,025
5	Cống	100m	4,840
6	Nhà ga, kho ga.	100m ²	2,600
7	Ke ga, bãi hàng	1000m ²	4,700
8	Điểm gác đường ngang	Điểm	1,000

b) Hoạt động sản xuất kinh doanh khác:

Cùng với việc hoàn thành khối lượng bảo dưỡng thường xuyên KCHT đường sắt, trong năm 2018 để đạt được các chỉ tiêu đó, ngoài việc thực hiện khối lượng bảo dưỡng thường xuyên KCHT đường sắt theo đơn đặt hàng thì Công ty đã chủ động trong việc tìm kiếm thêm việc làm như: Tham gia đấu thầu thi công Công trình: Sửa chữa định kỳ (SCL) cầu Lệ Kỳ II; Sửa chữa đột xuất hệ thống thoát nước phía nam ga ĐH; SCDK (SCL) cầu Km 462+814... và một số hạng mục công trình khác nên đã góp phần tăng lợi nhuận và nâng cao thu nhập cho người lao động.

c) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu so với Nghị quyết ĐHĐCĐ giao:

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH2017	KH2018	TH 2018	TH2018/ TH2017	TH2018/ KH2018
Doanh thu thuần	140.031	138.105	126.977	90,68%	91,94%
Giá vốn hàng bán	124.847	134.732	110.070	88,16%	81,70%
Doanh thu hoạt động tài chính	715	-	820	114,69%	-
Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	11.640	-	14.335	123,15%	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.260	3.373	3.390	79,58%	100,50%
Thu nhập khác	141	-	29	20,57%	-
Chi phí khác	1.027	-	29	2,82%	-
Lợi nhuận khác	(887)	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	3.373	3.373	3.390	100,50%	100,50%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Chỉ tiêu	TH2017	KH2018	TH 2018	TH2018/ TH2017	TH2018/ KH2018
Lợi nhuận sau thuế	2.520	2.698	2.706	107,38%	100,30%
EPS (đồng/cổ phiếu)	1.431	1.533	1.537	107,41%	100,26%
Tỷ lệ trả cổ tức	10%	11%	11%	110,00%	100,00%
Lao động bình quân	517	560	542	104,84%	96,79%
Thu nhập bình quân	7.760	8.536	8.536	110,00%	100,00%

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình trong năm 2018 doanh thu thuần đạt khoảng 126,977 tỷ đồng đạt 90,68% so với cùng kỳ năm trước (đã trừ 8,161 tỷ đồng tiền ray do Tổng công ty cấp). Tuy nhiên, do đặc thù ngành đường sắt, giá vốn đầu vào cao (chiếm hơn 85% doanh thu thuần) dẫn đến lợi nhuận không cao. Đặc thù ngành là vậy nhưng với nỗ lực kiểm soát đầu vào, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm đạt mức 3,390 tỷ đồng tăng 0,50 % so với năm 2017. Mặt khác, chi phí tài chính, chi phí bán hàng cùng với chi phí quản lý doanh nghiệp giảm so với năm 2017. Khoản lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 7,38% so với cùng kỳ năm trước.

Tiền lương và thu nhập: Thu nhập bình quân năm 2018 là: 8,536 triệu đồng/người/tháng, tăng 10,00% so với 2017.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018	TH2018/ TH2017
Tài sản ngắn hạn	74.036	58.494	79,45%	78,65%	79,01%
Tài sản dài hạn	19.150	15.880	20,55%	21,35%	82,94%
Tổng tài sản	93.185	74.374	100%	100%	78,81%

Tình hình tài sản của Công ty trong năm 2018 có sự thay đổi so với năm trước, cụ thể mức tổng tài sản là 74,37 tỷ đồng.

Trong đó tài sản ngắn hạn đạt 58,49 tỷ đồng giảm 20,99% so với năm trước, nguyên nhân là do lượng hàng tồn kho của Công ty giảm 77% từ 16,78 tỷ đồng xuống 3,90 tỷ đồng và tiền và các khoản tương đương tiền giảm 75,4% do trong năm Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ phải trả.

Tài sản dài hạn chủ yếu là phần giá trị các TSCĐ hữu hình, cụ thể như sau:

Tình hình tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	21.331.854.174	11.262.424.469	52,79%
Máy móc thiết bị	5.144.914.634	2.511.506.366	48,82%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Phương tiện vận tải truyền dẫn	8.427.428.506	1.946.230.665	23,09%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	112.363.636	2.400.000	0,21%
Cộng	35.016.560.950	15.722.561.500	44,90%

Tình hình sử dụng đất:

STT	Vị trí	Tài sản trên đất	Diện tích đất (m2)	Hình thức sử dụng hiện tại	Chức năng sử dụng hiện tại
1	Khu nhà điều hành sản xuất Công ty (nhà đất khu làm việc công ty) tại 377 đường Trần Hưng Đạo, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	<ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở và Nhà điều hành sản xuất - Nhà hội trường - Nhà Kho - Nhà để máy chèn - Khu vực thể thao - Khu vực nhà xưởng sản xuất - Khu nhà ở gia đình và nhà ở tập thể 	19.974,6	Thuê đất trả tiền hằng năm	Trụ sở công ty và các công trình kiến trúc phụ trợ
2	Khách sạn đường sắt tại đường Trương Pháp, phường Hải Thành, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Khách sạn, nhà hàng	2.451,7	Thuê đất trả tiền hằng năm	Khách sạn, Nhà hàng ăn uống.

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018	TH2018/ TH2017
Nợ ngắn hạn	69.768	54.249	95,43%	100,00%	77,76%
Nợ dài hạn	3.339	0	4,57%	0%	-
Tổng nợ phải trả	73.107	54.249	100%	100%	74,20%

Tình hình nợ phải trả trong năm 2018 có giảm đáng kể so với năm 2017, mức tổng nợ phải trả trong năm 2018 đạt 54,2 tỷ đồng giảm 22,24% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, nợ ngắn hạn của Công ty đạt 54,2 tỷ đồng giảm 22,24% so với năm trước do Công ty đã thanh toán các khoản phải trả cho các đối tác của Công ty, đặc biệt phải trả cán bộ công nhân viên.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Ứng dụng công nghệ mới trong XDCB và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng: Sử dụng máy chèn đường của Áo, máy chèn đường của Pháp, máy sàng đá, các máy nâng mỗi gục, máy siết bu lông, máy thay tà vẹt bê tông...

Áp dụng thành quả của công nghệ thông tin trong công tác thống kê và ứng dụng các phần mềm trong quản lý và trao đổi thông tin. Trong năm 2018, Công ty đã sử dụng thành thạo phần mềm kế toán EFFECT 4.0 phục vụ cho công tác kế toán và quản trị công ty được cập nhật kịp thời, chính xác.

Đưa công tác thống kê theo dõi và phân tích để tìm nguyên nhân và nghiên cứu khắc phục các điểm xóc lắc đảm bảo cầu đường êm thuận; an toàn. Đưa nhanh các ứng dụng tin học vào công tác quản lý điều hành sản xuất. Khai thác triệt để các phần mềm ứng dụng hiện có, thường xuyên cập nhật phần mềm mới. Đi sâu vào khai thác mạng internet phục vụ cho công việc...

Đổi mới công tác quản lý, tạo sự thống nhất giữa cầu và đường, kết hợp đánh giá kết quả lao động và thu nhập cá nhân.

Nâng cao hiệu quả quản lý công tác tuần đường, tuần hầm, tuần cầu, gác chắn đường ngang; đề xuất việc hoàn thiện các quy trình quản lý tuần đường, tuần cầu hầm các quy trình bảo dưỡng cầu, đường, tiêu chuẩn nghiệm thu cầu, đường, ghi phù hợp với kết cấu mới và khả năng khai thác tuyến đường cũng như một số quy trình quản lý các hạng mục kiến trúc khác.

Công tác quản lý kỹ thuật, tiền vốn, vật tư, lao động ... phát triển theo hướng cơ chế khoán, kết quả là nâng cao trách nhiệm, năng lực và thể chủ động trong quá trình sản xuất của các đơn vị cấp dưới, phát huy hiệu quả đầu tư nâng cao chất lượng cầu đường.

Tiến hành đào tạo và đào tạo lại đối với cán bộ quản lý kỹ thuật về kiến thức quản lý kỹ thuật, kiến thức pháp luật và đặc biệt chú trọng việc cập nhật kiến thức để kiểm tra sát hạch nâng lương cả về chuyên môn, tin học thực hành và pháp luật. Phân đầu xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và công nhân lành nghề có trình độ kỹ năng chuyên sâu có khả năng nắm bắt các thao tác, vận hành máy móc thiết bị và các ứng dụng mới. Đội ngũ kỹ sư của Công ty sử dụng thành thạo vẽ kỹ thuật trên máy vi tính nên việc thiết kế các bản vẽ thi công hay thiết kế tổ chức thi công các công trình được nhanh chóng; thuận lợi, đáp ứng yêu cầu cao về kỹ thuật.

4. Kế hoạch phát triển năm 2019 và trong tương lai

Các chỉ tiêu kế hoạch và cổ tức năm 2019:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	KH 2019 HDQT giao	Tỷ lệ KH 2019/TH 2018
1	Sản lượng	Tr.đ	139.675	153.223	109,70%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	KH 2019 HDQT giao	Tỷ lệ KH 2019/TH 2018
2	Doanh thu <i>Trong đó:</i>	Tr.đ	126.977	139.293	109,70%
	- Doanh thu từ sản xuất chính	Tr.đ	108.148	110.947	102,59%
	- DT từ ngoài sản xuất chính	Tr.đ	18.829	28.346	150,54%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	3.390	3.458	102,01%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.706	2.766	102,22%
5	Vốn điều lệ	Tr.đ	17.605	17.605	100,00%
6	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn điều lệ	%	15,37	15,71	102,21%
7	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	1.936,6	1.936,6	100,00%
8	Tỷ lệ trả cổ tức	%	11	11	100,00%
9	TNBQ/người/tháng	1000đ	8.536	8.963	105,00%

**Trong đó sản lượng và doanh thu năm 2018 đã trừ 8,161 tỷ đồng, năm 2019 đã trừ 12,556 tỷ đồng tiền ray do Tổng công ty cấp.*

Giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019:

- Với sản lượng 2019 giao tăng 9,70% so với năm 2018 là một nhiệm vụ đầy khó khăn và thách thức với Ban Giám đốc Công ty. Vì vậy cần phải tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện tốt công tác quản lý, giám sát. Chỉ đạo công tác điều hành doanh nghiệp để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao.

- Thường xuyên nắm bắt thông tin về tình hình KT-XH của đất nước, nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải, tích cực tìm thêm việc làm để tăng doanh thu và thu nhập cho người lao động.

- Ưu tiên mọi nguồn lực để tập trung thi công các công trình (trong và ngoài sửa chữa thường xuyên); Có biện pháp chỉ đạo quyết liệt, phát động thi đua ngay từ đầu năm, có chế độ khen thưởng, kỷ luật rõ ràng, thực hiện trả lương theo hiệu quả công việc.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý tài chính, luôn chủ động trong việc điều hành vốn cũng như sử dụng linh hoạt các nguồn vốn, kiểm soát được vốn, quay vòng vốn nhanh.

- Tiếp tục bổ sung, sửa đổi và ngày càng hoàn thiện Hệ thống quy chế nội bộ nhằm tăng cường công tác điều hành, quản lý, giám sát có hiệu quả cao.

- Sắp xếp tổ chức và lao động cho phù hợp với mô hình mới của Công ty, đầu tư cho học tập nghiệp vụ để nâng cao trình độ cho CBCN lao động, từ đó mỗi bộ phận, mỗi cán bộ, công nhân phải luôn đổi mới cách nghĩ, cách làm, chủ động hơn nữa trong mọi công việc.

- Thường xuyên quan tâm chăm lo đến đời sống cán bộ công nhân viên và người lao động. Đảm bảo 100% CBCNV lao động có việc làm ổn định, tăng thu

nhập, tạo điều kiện để CBCNV được đi nghỉ mát hàng năm và được giúp đỡ, trợ cấp, vay vốn khi gia đình và bản thân gặp khó khăn.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Với mục tiêu phát triển bền vững là trọng tâm gắn liền hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ban lãnh đạo công ty chủ trương toàn bộ cán bộ công nhân viên phải luôn đi đầu trong các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội bằng những hành động thiết thực và hiệu quả như tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy trong tất cả các hoạt động của Công ty.

**PHẦN VI
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Trong năm 2018, các thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao. Thay mặt cổ đông, Hội đồng quản trị quản lý Công ty hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Hội đồng quản trị quản lý Công ty bằng biện pháp ban hành các Quy chế quản lý nội bộ và nghị quyết, hàng quý hoặc đột xuất Hội đồng quản trị họp với bộ máy điều hành để kiểm điểm việc thực hiện các Nghị quyết đã ban hành.

Hội đồng quản trị chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn bộ máy điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong SXKD; tổ chức công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của Luật chứng khoán. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; tôn trọng và đảm bảo quyền của cổ đông; đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của Doanh nghiệp và các thành phần có liên quan khác.

Hội đồng quản trị phối hợp và hỗ trợ Giám đốc giải quyết những vướng mắc với các đối tác trong công tác thanh toán, công tác kinh tế, đầu tư và tìm kiếm việc làm. Thường xuyên thảo luận giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với Giám đốc để đạt được sự thống nhất cao trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành.

a) Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018:

T T	Tên chỉ tiêu	Đ.vị tính	Năm 2018		Tỷ lệ TH 2018/ KH 2018
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	17.605	17.605	100,00%
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	151.916	139.675	91,94%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	138.105	126.977	91,94%
4	Tổng chi phí	Tr.đ	134.732	123.587	91,73%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

T T	Tên chỉ tiêu	Đ.vị tính	Năm 2018		Tỷ lệ TH 2018/ KH 2018
			Kế hoạch	Thực hiện	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	3.373	3.390	100,5%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.698	2.706	100,3%
7	Thu nhập bình quân/người/tháng	Tr.đ	8.536	8.621	100,10%
8	Tỷ suất LN sau thuế / Vốn điều lệ	%	15,33	15,37	100,26%
9	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	1.936,6	1.936,6	100,00%
10	Tỷ lệ trả cổ tức	%	11	11	100,00%

**Trong đó sản lượng và doanh thu năm 2018 đã trừ 8,161 tỷ đồng tiền ray do Tổng công ty cấp.*

- Về lựa chọn đơn vị kiểm toán: Được sự uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc có địa chỉ tại 709, D11, Toà nhà Sunrise Building, đường Trần Thái Tông, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội là đơn vị thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình. Đây là đơn vị kiểm toán nằm trong danh sách những đơn vị kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức giao dịch trên thị trường chứng khoán.

b) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát năm 2018

Hội đồng quản trị đã phê duyệt kế hoạch chi trả lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành năm 2018 là: 1.732.934.000 đồng. Năm 2018, các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu chỉ đạt trên 91% so với kế hoạch, các chỉ tiêu khác đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra, quyết toán tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức thù lao (đ/ng/ tháng)	Mức lương (đ/ng/ tháng)	Tổng số tiền
1	Chủ tịch HĐQT	1	12		342.900.000	342.900.000
2	Thành viên HĐQT	2	12	41.547.000	41.450.000	82.997.000
3	Trưởng ban kiểm soát	1	12		230.400.000	230.400.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	2	12	17.797.000		17.797.000
5	Giám đốc	1	12		295.330.000	295.330.000

STT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức thù lao (đ/ng/tháng)	Mức lương (đ/ng/tháng)	Tổng số tiền
6	Phó Giám đốc	2	12		519.190.000	519.190.000
7	Kế toán trưởng	1	12		244.320.000	244.320.000
	Cộng			59.344.000	1.673.590.000	1.732.934.000

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật có liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp và nhiệm vụ SXKD của Công ty.

Chỉ đạo, giám sát đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công các công trình do Công ty đảm nhận theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Giám sát việc sử dụng và quản lý tài sản; giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Chỉ đạo, giám sát việc sắp xếp mô hình tổ chức toàn Công ty; việc triển khai thực hiện kiện toàn, tinh giản bộ máy tổ chức, nhân sự từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc.

Chỉ đạo, giám sát việc đảm bảo chế độ theo quy định Nhà nước; điều kiện môi trường làm việc, thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, các chế độ khác đối với người lao động.

Hình thức giám sát: Hội đồng quản trị dự họp với bộ máy điều hành của Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện SXKD hàng quý. Giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát nội bộ Công ty.

Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty. Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, các đơn vị trực thuộc và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2019

Xác định năm 2019 sẽ là một năm khó khăn đối với hoạt động SXKD của Công ty, vì vậy Hội đồng quản trị quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2019, đặc biệt quan tâm đến các chỉ tiêu cơ bản như doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của CBCNV, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông. Hội đồng quản trị xác định một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019 như sau:

Năm 2019, Hội đồng quản trị tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, tăng cường năng lực quản trị, đề ra các giải pháp nhằm chỉ đạo và điều hành công tác SXKD của Công ty với một số chỉ tiêu chính như sau:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019
Tổng sản lượng	Tỷ đồng	153,223
Doanh thu	Tỷ đồng	139,293
Nộp ngân sách	Tỷ đồng	9,0
Lợi nhuận		
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,458
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,766
Phân phối lợi nhuận sau thuế		
Chia cổ tức	Tỷ đồng	1,937
Quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	276,6
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu đồng	410,060
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	17,605
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	17,605
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	15,71
Số lao động sử dụng trong năm	Người	560
Thu nhập bình quân	Tr đồng/người/tháng	8,963

**Chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng và doanh thu năm 2019 đã trừ 12,556 tỷ đồng tiền ray do Tổng công ty cấp.*

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định liên quan đến công tác quản lý điều hành, làm cơ sở pháp lý cho Ban điều hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, kiện toàn cơ cấu tổ chức, xây dựng định biên bộ máy gián tiếp phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mang lại hiệu quả cao nhất.

Phối hợp với Ban kiểm soát tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa đồng vốn đầu tư của các cổ đông và đạt được độ an toàn về tài chính, minh bạch hoá các hoạt động theo đúng quy định.

Thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra, trong đó đặc biệt đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo chất lượng, giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng và đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu trong hoạt động quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

PHẦN V
BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị (tại ngày 31/12/2018)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Văn Sáu	Chủ tịch	45.600	2,59%
2	Trần Ngọc Sơn	Thành viên	21.800	1,24%
3	Nguyễn Văn Minh	Thành viên	93.550	5,31%

Tóm tắt lý lịch:

*** CHỦ TỊCH HĐQT: TRẦN VĂN SÁU**

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 12/12/1966
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 6, Phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình.
- Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố 6, Phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình.

- Số CMND: 194410047; Nơi cấp: CA Quảng Bình; Ngày cấp: 21/6/2006
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng đường sắt
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Quá trình công tác:

- Từ tháng 3/1987 đến tháng 3/2000: Công nhân cung đường Khe Nét; (Từ tháng 9/1993 - 2/1998: Theo học và tốt nghiệp trường Đại học giao thông vận tải Hà Nội).
- Từ tháng 4/2000 đến 2/2002: Kỹ thuật viên đội đường 4;
- Từ tháng 3/2002 đến 11/2002: Quyền Đội trưởng đội đường 2; Giám sát viên khu vực 4;
- Từ tháng 12/2002 đến tháng 3/2011: Phó phòng Kỹ thuật;
- Từ tháng 4/2011 đến tháng 7/2013: Giám đốc Xí nghiệp KDDV-XDCT; Giám đốc Xí nghiệp XDCT;
- Từ tháng 8/2013 đến 30/11/2015: Phó Giám đốc công ty.
- Từ 01/12/2015 đến 28/2/2018: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.
- Từ 01/3/2019 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân: 45.600 cổ phần

Sở hữu đại diện cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam: 448.927,5 cổ phần

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

* **THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM GIÁM ĐỐC: TRẦN NGỌC SON**

Thông tin đã đề cập tại mục Ban điều hành

* **THÀNH VIÊN HĐQT: NGUYỄN VĂN MINH**

- Giới tính : Nam

- Ngày sinh : 22/5/1964

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Hộ khẩu thường trú: Phường Bắc Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Chỗ ở hiện tại: Phường Bắc Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Số CCCD: 044064000698; Nơi cấp: CA Quảng Bình; Ngày cấp: 26/6/2017

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế xây dựng; cử nhân Luật.

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Thành viên HĐQT; Trưởng phòng TC-HC.

Quá trình công tác:

- Từ tháng 2/1982 đến tháng 6/1985 tham gia quân đội;

- Từ tháng 7/1985 đến tháng 3/1997 công nhân gác cầu đường sắt, Cung đường Phúc Tự thuộc Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 4/1997 đến 8/1998 thường trực công tác đoàn kiêm công tác thi đua Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 9/1998 đến 12/2000 Bí thư Đoàn TN Công ty quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 01/2001 đến 01/2002 Bí thư Đoàn TN kiêm chuyên viên phòng TC-KT Công ty quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 2/2002 đến 5/2002 Bí thư Đoàn TN kiêm Phó trưởng phòng Vật tư Công ty quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 6/2002 đến 11/2006 Trưởng phòng Vật tư Công ty quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 12/2006 đến 19/4/2018 Trưởng phòng TC-HC Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình.

- Từ 20/4/2018 đến nay Thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng phòng TC-HC Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân: 93.550 cổ phần

Sở hữu đại diện cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam: 0 cổ phần

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2. Nội dung các phiên họp Hội đồng quản trị:

- Phiên họp ngày 23 tháng 01 năm 2018 về Công tác cán bộ tại Công ty.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

- Phiên họp ngày 06 tháng 02 năm 2018 về Phương án chi trả quỹ tiền lương năm 2017 còn lại và thanh toán tiền lương quý 1/2018 cho người lao động.
- Phiên họp ngày 26 tháng 02 năm 2018 về Công tác cán bộ tại Công ty.
- Phiên họp ngày 08 tháng 3 năm 2018 về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- Phiên họp ngày 23 tháng 3 năm 2018 về ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng nhân danh Công ty.
- Phiên họp ngày 03 tháng 4 năm 2018 về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- Phiên họp ngày 09 tháng 4 năm 2018 về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- Phiên họp ngày 23 tháng 4 năm 2018 về chi trả cổ tức năm 2017.
- Phiên họp ngày 04 tháng 5 năm 2018 về chi trả cổ tức năm 2017 và công tác sản xuất kinh doanh của Công ty quý II năm 2018.
- Phiên họp ngày 07 tháng 7 năm 2018 về ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng nhân danh Công ty.
- Phiên họp ngày 04 tháng 9 năm 2018 về ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng nhân danh Công ty.
- Phiên họp ngày 30 tháng 10 năm 2018 về công tác sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Phiên họp ngày 05 tháng 11 năm 2018 về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.
- Phiên họp ngày 27 tháng 11 năm 2018 về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tạm dừng phương án thành lập Công ty TNHH một thành viên Đường sắt Tân Thịnh.
- Phiên họp ngày 26 tháng 12 năm 2018 về công tác tổ chức, sản xuất của Công ty.

a) Các Nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị đã ban hành trong năm 2018 gồm:

- Số lượng Nghị quyết ban hành: 17 Nghị quyết.
- Số lượng quyết định ban hành: 27 Quyết định.

Cụ thể:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
I	NGHỊ QUYẾT		
1	Số 01/NQ-HĐQT	23/01/2018	Thông qua việc thực hiện quy trình cán bộ bằng nguồn nhân sự tại chỗ đối với các chức danh sau: 1. Giới thiệu Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình. 2. Bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
			<p>quản trị Công ty; 02 thành viên Ban Kiểm soát Công ty.</p> <p>3. Bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc Công ty.</p>
2	Số 02/NQ-HĐQT	01/2/2018	<p>Thông qua các nội dung sau:</p> <p>1. Đồng ý điều chỉnh việc trả lương cho Trưởng Ban Kiểm soát Công ty năm 2017 trở đi tương đương tiền lương của Kế toán trưởng Công ty.</p> <p>2. Thông qua phương án chi trả quỹ tiền lương còn lại năm 2017 cho người lao động của Công ty.</p> <p>3. Về thanh toán lương quý 1/2018.</p> <p>4. Giao cho Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng tham mưu nghiên cứu xây dựng lại hệ thống thang, bảng lương của Công ty theo đúng Nghị định 141/2017/NĐ-CP ngày 07/12/2017 của Chính phủ (mức lương tối thiểu vùng năm 2018) để trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét phê duyệt. Đối với chức danh Trưởng ban Kiểm soát: Điều chỉnh và chuyển xếp lương của Trưởng ban Kiểm soát Công ty vào thang, bảng lương lao động quản lý Công ty (tương đương Kế toán trưởng Công ty).</p>
3	Số 03/NQ-HĐQT	28/2/2018	<p>Thông qua công tác cán bộ đối với các chức danh sau:</p> <p>1. Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đối với ông Đỗ Bá Tâm kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2018 (lý do được nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2018).</p> <p>2. Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty đối với ông Trần Văn Sáu kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2018.</p> <p>3. Bầu ông Trần Văn Sáu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2018.</p> <p>4. Bổ nhiệm ông Trần Ngọc Sơn giữ chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2018.</p> <p>5. Bổ nhiệm ông Đoàn Thuận giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2018.</p>
4	Số 04/NQ-HĐQT	08/3/2018	<p>Thông qua kế hoạch, nội dung phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 với các nội dung sau:</p>

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
			<p>1. Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty: Ngày 30/3/2018.</p> <p>2. Thời gian tiến hành Đại hội: Dự kiến trong tháng 4 năm 2018.</p> <p>3. Địa điểm: Hội trường Công ty, Số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.</p> <p>4. Nội dung trình Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương án sản xuất kinh doanh năm 2018 của công ty; - Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và định hướng hoạt động năm 2018; - Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017 và định hướng hoạt động năm 2018; - Thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán năm 2017 và phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2017; - Thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017, kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2018; - Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018. - Thông qua phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2017, kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2018. - Thông qua phương án thành lập Công ty TNHH MTV do Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình nắm giữ 100% vốn điều lệ (trên cơ sở tổ chức lại các chi nhánh của Công ty). - Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty đối với ông Đỗ Bá Tâm (lý do ông Đỗ Bá Tâm được nghỉ chế độ hưu trí vào ngày 01/3/2018). - Miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Công ty đối với bà Hoàng Thị Tư và ông Lê Hùng Cường (lý do bà Hoàng Thị Tư được nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 01/4/2018 và ông Lê Hùng Cường đã được chấm dứt hợp đồng lao động tại Công ty và đã có đơn xin thôi tham gia thành viên Ban

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
			<p>Kiểm soát Công ty).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bầu bổ sung 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị. - Bầu bổ sung 02 (hai) thành viên Ban Kiểm soát Công ty. - Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.
5	Số 05/NQ-HĐQT	23/3/2018	<p>Thông qua các nội dung sau:</p> <p>Ủy quyền cho Giám đốc Công ty, Người đại theo pháp luật ký các hợp đồng nhân danh Công ty gồm những nội dung sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hợp đồng thi công và đảm bảo an toàn tại đường ngang km 496 + 680, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh - Thuộc công trình đường nối Quốc Lộ 1A đến đường Hồ Chí Minh nhánh đông - Phân đoạn km 9+00 - km 20+996 địa điểm: Xã Vạn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. 2. Hợp đồng thi công đoạn ống qua đường sắt - Thuộc công trình cung cấp nước và xả thải nước sau khi sử dụng cho Dự án WHR của Nhà máy Clinker Văn Hóa. Địa điểm xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.
6	Số 06/NQ-HĐQT	04/4/2018	<p>Thông qua kế hoạch tổ chức phiên họp Đại Hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình.</p>
7	Số 07/NQ-HĐQT	09/4/2018	<p>Thông nhất thay đổi thời gian tổ chức phiên họp Đại Hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình.</p>
8	Số 08/NQ-HĐQT	24/4/2018	<p>Thông qua chi trả cổ tức năm 2017 của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày đăng ký cuối cùng: 08/5/2018. - Tỷ lệ thực hiện: 10%/cổ phần (một cổ phần nhận được 1.000 đồng). <p>Thời gian thanh toán: 18/5/2018.</p>
9	Số 09/NQ-HĐQT	07/5/2018	<p>Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2017 của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày đăng ký cuối cùng: 18/5/2018. Tỷ lệ thực hiện: 10%/cổ phần (một cổ phần nhận được 1.000 đồng).

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
			Thời gian thanh toán: 29/5/2018.
10	Số 10/NQ-HĐQT	07/5/2018	<p>Thông qua các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kế hoạch huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, đào tạo và tuyên dụng lao động năm 2018 theo Tờ trình số 211/TTr-ĐSQB, ngày 03/4/2018 của Giám đốc Công ty. 2. Kế hoạch An toàn vệ sinh lao động năm 2018 theo Tờ trình số 210/TTr-ĐSQB, ngày 03/4/2018 của Giám đốc Công ty. 3. Cử ông Lê Minh Tâm Chuyên viên Phòng TC-HC làm Thư ký Hội đồng quản trị. 4. Một số nội dung về sản xuất kinh doanh.
11	Số 11/NQ-HĐQT	09/7/2018	<p>Thông nhất thông qua việc ủy quyền cho Giám đốc Công ty, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, nhân danh Công ty thực hiện các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thương thảo, ký kết hợp đồng, thanh lý, thanh toán công trình Sửa chữa định kỳ (Sửa chữa lớn) Cầu Lệ Kỳ Km 528+729. 2. Thương thảo, ký kết hợp đồng, thanh lý, thanh toán công trình Sửa chữa đột xuất hệ thống thoát nước khu ga Đồng Hới Km 522+100 - Km 522+900.
12	Số 12/NQ-HĐQT	04/9/2018	<p>Thông nhất thông qua việc ủy quyền cho Giám đốc Công ty, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, nhân danh Công ty thực hiện việc thương thảo, ký kết hợp đồng, thanh lý, thanh toán gói thầu số 2: Gói thầu xây lắp thuộc công trình: Sửa chữa định kỳ (sửa chữa lớn) cầu Km 462+814 tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh.</p>
13	Số 13/NQ-HĐQT	30/10/2018	<p>Thông qua các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông nhất giao cho Hội đồng quản trị, Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty trình Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam Phương án tạm dừng thành lập Công ty TNHH MTV Đường sắt Tân Thịnh do Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình nắm giữ 100% vốn điều lệ và phương án kinh doanh tại Khách sạn Đường sắt. 2. Phương án định biên gián tiếp các

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
			<p>phòng nghiệp vụ, lao động thừa hành phục vụ và BCH các đội QLĐS theo Tờ trình số 715a/TTr-ĐSQB ngày 29/10/2018 của Giám đốc Công ty.</p> <p>3. Hệ thống thang, bảng lương Công ty (đưa vào áp dụng từ năm 2019).</p> <p>4. Quy định xử lý trách nhiệm người quản lý Công ty, Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình trong công tác đảm bảo an toàn chạy tàu.</p> <p>5. Ủy quyền cho Giám đốc Công ty, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, nhân danh Công ty để thương thảo hợp đồng, ký kết hợp đồng, thanh toán, thanh lý công trình xử lý khắc phục nguy cơ đá lăn, đá rơi trên đoạn tuyến từ Km 455+400- Km 458+400 và gia cố khẩn cấp Khoang số 6 Hầm số 2 tại Km 455+769 tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh.</p> <p>6. Một số nội dung về sản xuất kinh doanh.</p> <p>7. Từ Quý 1/2019, trước ngày mùng 10 hàng quý Ban điều hành phải có báo cáo bằng văn bản cho HĐQT về thực hiện nhiệm vụ SXKD và thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, gửi Thư ký HĐQT tập hợp các văn bản, tờ trình, kiến nghị (nếu có) để tổ chức họp HĐQT từ ngày mùng 10 đến ngày 15 hàng quý.</p>
14	Số 14/NQ-HĐQT	06/11/2018	<p>Thông nhất thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc có địa chỉ tại: P.709, D11, Toà nhà Sunrise, đường Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, Hà Nội.</p>
15	Số 15/NQ-HĐQT	27/11/2018	<p>Thông nhất thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc tạm dừng phương án thành lập Công ty TNHH một thành viên Đường sắt Tân Thịnh do Công ty Cổ phần đường sắt Quảng Bình nắm giữ 100% vốn Điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p>

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
			năm 2018 của Công ty.
16	Số 16/NQ-HĐQT	26/12/2018	<p>Thông nhất thông qua các nội dung sau:</p> <p>1. Ủy quyền cho Giám đốc Công ty CPĐS Quảng Bình nhân danh Công ty thực hiện những nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ký kết hợp đồng, thanh lý hợp đồng đặt hàng bảo trì KCHTĐS năm 2019; - Ký kết các hợp đồng, thanh lý hợp đồng mua bán vật tư phục vụ bảo trì KCHTĐS năm 2019; - Ký kết các hợp đồng, thanh lý hợp đồng thuê máy thi công, hợp đồng thi công bằng máy chèn Áo 08-8GS với các đơn vị năm 2019. <p>2. Sắp xếp lại tổ chức: Chuyển bộ phận lái xe tải, lái goòng từ Xí nghiệp SXVL-XDTH về Công ty và giao cho Phòng KH-KD theo dõi, quản lý kể từ ngày 01/01/2019. Giao Ban điều hành xây dựng các quy định quản lý, điều hành.</p> <p>3. Thông qua phương án khoán quỹ tiền lương năm 2018 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, bộ phận gián tiếp cơ quan, BCH các đội QLDS và bộ phận thừa hành phục vụ của Công ty</p>
17	Số 17/NQ-ĐHĐCĐ	29/12/2018	<p>Đại Hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:</p> <p>Thông nhất thông qua nội dung tạm dừng phương án thành lập Công ty TNHH MTV Đường sắt Tân Thịnh do Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình nắm giữ 100% vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018 của Công ty.</p>
II	QUYẾT ĐỊNH		
1	Số 102/QĐ-ĐSQB	26/02/2018	Về việc nghị chế độ hưu trí đối với bà Hoàng Thị Tư, Trưởng Ban Kiểm soát.
2	Số 107/QĐ-ĐSQB	28/02/2018	Về việc miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty đối với ông Trần Văn Sáu.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
3	Số 108/QĐ-ĐSQB	28/02/2018	Về việc bổ nhiệm Giám đốc Công ty đối với ông Trần Ngọc Sơn
4	Số 109/QĐ-ĐSQB	28/2/2018	Về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty đối với ông Đoàn Thuận
5	Số 131/QĐ-HĐQT	12/3/2018	Về việc thành lập ban tổ chức và các tiểu ban phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
6	Số 184/QĐ-ĐSQB	27/3/2018	Về việc Kiện toàn Hội đồng khoa học kỹ thuật Công ty.
7	Số 199/QĐ-ĐSQB	31/3/2018	Về việc thành lập Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ
8	Số 203/QĐ-ĐSQB	02/4/2018	Về việc thành lập Hội đồng xây dựng lại hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyên xếp lương
9	Số 204/QĐ-ĐSQB	02/4/2018	Về việc thành lập Tổ giúp việc Hội đồng xây dựng lại hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyên xếp lương
10	Số 233/QĐ-ĐSQB	12/4/2018	Về việc kiện toàn Hội đồng Thi đua, khen thưởng
11	Số 234/QĐ-ĐSQB	12/4/2018	Về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng
12	Số 273/QĐ-ĐSQB	24/4/2018	Về việc phân phối lợi nhuận năm 2017
13	Số 274/QĐ-ĐSQB	24/4/2018	Về việc thưởng hoàn thành nhiệm vụ cho người quản lý Công ty.
14	Số 310/QĐ-HĐQT	15/5/2018	Về việc phê duyệt Kế hoạch huấn luyện An toàn lao động, vệ sinh lao động, đào tạo và tuyển dụng lao động năm 2018
15	Số 311/QĐ-HĐQT	15/5/2018	Về việc phê duyệt Kế hoạch An toàn vệ sinh lao động năm 2018
16	Số 336/QĐ-HĐQT	24/5/2018	Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung các quy chế trong Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình
17	Số 337/QĐ-HĐQT	24/5/2018	Về việc Ban hành quy chế hoạt động mạng lưới An toàn vệ sinh viên.
18	Số 338/QĐ-HĐQT	24/5/2018	Về việc Ban hành quy chế Văn hóa công sở.
19	Số 365a/QĐ-HĐQT	05/6/2018	Về việc phê duyệt số lượng, đơn giá mua trang thiết bị an toàn, BHLĐ và đồng phục tuần gác năm 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
20	Số 443/QĐ-ĐSQB	30/6/2018	Về việc kiện toàn Hội đồng khoa học kỹ thuật Công ty.
21	Số 464/QĐ-HĐQT	09/7/2018	Về việc ủy quyền ký kết các hợp đồng nhân danh Công ty.
22	Số 468/QĐ-HĐQT	10/7/2018	Về việc thành lập Ban chỉ huy khôi phục hậu quả sự cố đá rơi ngày 10/7/2018 tại Km 458+290 - 458+400.
23	Số 720/QĐ-HĐQT	30/10/2018	Về việc phê duyệt định biên lao động gián tiếp, lao động thừa hành phục vụ tại cơ quan Công ty và Ban chỉ huy các đội quản lý đường sắt.
24	Số 733/QĐ-HĐQT	02/11/2018	Ban hành "Quy định xử lý trách nhiệm Người quản lý Công ty, Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình trong công tác đảm bảo an toàn chạy tàu".
25	Số 784/QĐ-HĐQT	28/11/2018	Về việc Ban hành quy định về phong trào "Chính quy - Văn hóa - An toàn" của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình.
26	Số 819a/QĐ-ĐSQB	17/12/2018	Về việc thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2019.
27	Số 847/QĐ-HĐQT	26/12/2018	Về việc phê duyệt quỹ tiền lương năm 2018 của HĐQT, BKS, BĐH, bộ phận gián tiếp cơ quan, BCH các đội QLDS và bộ phận thừa hành phục vụ Công ty.

b) Ban hành các quy chế quản lý:

Năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành các quy chế, quy định sau: Quy chế Văn hóa công sở, Quy chế hoạt động mạng lưới An toàn vệ sinh viên, Quy định Tổ chức bộ máy và phân định trách nhiệm về công tác An toàn vệ sinh lao động, sửa đổi bổ sung một số nội dung trong các quy chế: Quy chế tạm thời hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tạm thời tổ chức hoạt động của Ban Giám đốc, các phòng chức năng, các đội quản lý đường sắt và các chi nhánh, Quy chế tổ chức Hội nghị người lao động, Quy chế trả lương.

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các tiêu ban trong Hội đồng quản trị:

Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Công ty không có các tiêu ban trong Hội đồng quản trị.

2. Ban Kiểm soát

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Đỗ Thị Thùy Giang	Trưởng ban	5.000	0,28%
2	Lê Minh Tâm	Thành viên	900	0,05%
3	Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	1.900	0,11%

Tóm tắt lý lịch:

*** TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT: ĐỖ THỊ THÙY GIANG**

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 08/01/1985
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Hộ khẩu thường trú: Tổ DP 4, phường Nam Lý, TP Đồng Hới, Quảng Bình
- Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố 4, phường Nam Lý, TP Đồng Hới, Quảng Bình
- Số CMND: 194265318; Nơi cấp: CA Quảng Bình; Ngày cấp: 14/4/2010
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Trưởng Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

- Từ tháng 11/2009 đến tháng 10/2011: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Bình;
- Từ tháng 11/2011 đến tháng 5/2015: Chuyên viên Phòng TC-KT Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Bình;
- Từ tháng 6/2015 đến tháng 11/2015: Chuyên viên Phòng TC-HC Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Bình;
- Từ tháng 12/2015 đến tháng 02/2016: Phó trưởng Phòng TC-HC Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình;
- Từ tháng 3/2016 đến tháng 4/2018: Phó trưởng Phòng TC-KT Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình;
- Từ ngày 20/4/2018 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần

Những người có liên quan (Bố đẻ là ông Đỗ Bá Tâm, cổ đông lớn): 184.500 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

*** THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT: LÊ MINH TÂM**

- Giới tính: Nam

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

- Ngày sinh: 20/05/1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 4, phường Nam Lý, TP Đồng Hới, Quảng Bình

- Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố 4, phường Nam Lý, TP Đồng Hới, Quảng Bình
- Số CMND: 194069003; Nơi cấp: CA Quảng Bình; Ngày cấp: 21/12/2011
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Thành viên Ban kiểm soát.

Quá trình công tác:

- Từ tháng 4/2006 đến tháng 8/2010: Thống kê đội QLĐS 2 Công ty Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 9/2010 đến tháng 10/2010: Thống kê đội QLĐS 5 Công ty Quản lý đường sắt Quảng Bình

- Từ tháng 11/2010 đến tháng 4/2011: Chuyên viên Kế hoạch - Vật tư Xí nghiệp KDDV-XDCT thuộc Công ty QLĐS Quảng Bình;

- Từ tháng 5/2011 đến nay: Chuyên viên Phòng TC-HC Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình. Được bầu Thành viên Ban Kiểm soát từ 20/4/2018.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân: 900 cổ phần

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

*** THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT: NGUYỄN THANH PHONG**

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 20/11/1975

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 4, phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố 4, phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Số CMND: 194005062; Nơi cấp: CA Quảng Bình; Ngày cấp: 25/3/2011

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường bộ

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức: Phó Trưởng phòng KH-KD, Thành viên Ban kiểm soát.

Quá trình công tác:

- Từ tháng 1/1996 đến tháng 3/2000: Công nhân Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 4/2000 đến tháng 3/2002 là Thống kê Đội đường 1 thuộc Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 4/2002 đến tháng 6/2012: Cán bộ phòng Kế hoạch Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình;

- Từ tháng 7/2012 đến nay: Phó trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân: 1.900 cổ phần

Những người có liên quan: 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

4. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Qua công tác kiểm tra, giám sát Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động điều hành của HĐQT đã tuân thủ theo đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty.

Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT và BKS tham dự. Nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2018. Tài liệu được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo thông báo mời họp.

Sau cuộc họp HĐQT đã thông qua các quyết định phù hợp với tình hình SXKD của Công ty và nằm trong thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Ban Giám đốc đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT. BGĐ đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ban Giám đốc đã duy trì thường xuyên họp giao ban. Thành phần tham dự họp đầy đủ, nội dung họp tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý, những khó khăn, vướng mắc được đưa ra các biện pháp giải quyết ngay trong cuộc họp. Mỗi cuộc họp đều được thư ký ghi chép đầy đủ nội dung các ý kiến chỉ đạo tổng hợp thông báo xuống các đơn vị sản xuất và phòng ban biết để thực hiện.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đã có mối quan hệ phối hợp trong việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và tham gia các cuộc họp của HĐQT.

Ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Các báo cáo của Ban kiểm soát đều được gửi đến HĐQT và Ban giám đốc Công ty, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát đã thực hiện đúng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

chức năng do Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, không ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành.

5. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao
Hội đồng quản trị				
1	Trần Văn Sáu	Chủ tịch (10 tháng)	286.000.000	
2	Đỗ Bá Tâm	Chủ tịch (02 tháng)	56.900.000	
3	Trần Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT		22.320.000
4	Nguyễn Văn Minh	Thành viên HĐQT (07 tháng)		15.507.000
5	Đỗ Bá Tâm	Thành viên HĐQT (02 tháng)	41.450.000	
Ban kiểm soát				
1	Đỗ Thị Thùy Giang	Trưởng Ban (07 tháng)	157.900.000	
2	Hoàng Thị Tư	Trưởng Ban (05 tháng)	72.500.000	
3	Lê Minh Tâm	Thành viên (07 tháng)		7.297.000
4	Nguyễn Thanh Phong	Thành viên		10.500.000
Ban điều hành				
1	Trần Ngọc Sơn	Giám đốc (10 tháng)	246.530.000	
2	Trần Văn Sáu	Giám đốc (02 tháng)	48.800.000	3.720.000
3	Trần Ngọc Sơn	Phó Giám đốc (02 tháng)	43.870.000	
4	Đoàn Thuận	Phó Giám đốc (10 tháng)	214.920.000	
5	Trương Hữu Mạnh	Phó Giám đốc	260.400.000	
6	Mai Thị Tuyết Lan	Kế toán trưởng	244.320.000	

Các thông tin thay đổi về Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát đã được đề cập tại Điểm b, Khoản 2, Phần II tại Báo cáo này.

**PHẦN VI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán độc lập đã được Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn trên cơ sở uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc.

Kiểm soát viên là ông Lê Viết Cường - Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán số: 2478-2018-009-1.

Ý kiến của kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán (kèm theo) và được Công ty đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty: <http://duongsatquangbinh.vn>.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- UBCK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban điều hành;
- Lưu: VT, HĐQT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
KIỂM ĐỌC**



Trần Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Bá Tâm	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/12/2015, nghỉ hưu từ ngày 01/03/2018
Ông Trần Văn Sáu	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/03/2018
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên HĐQT	Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm ngày 20/4/2018

Ban Giám đốc và kế toán trưởng

Ông Trần Văn Sáu	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/03/2018
Ông Trần Ngọc Sơn	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/03/2018
Ông Đoàn Thuận	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/03/2018
Ông Trương Hữu Mạnh	Phó Giám đốc	
Bà Mai Thị Tuyết Lan	Kế toán trưởng	

Ban kiểm soát

Bà Hoàng Thị Tư	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28/12/2015, Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm ngày 20/04/2018
Bà Đỗ Thị Thùy Giang	Trưởng ban	Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm ngày 20/4/2018
Ông Lê Minh Tâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban giám đốc



Trần Ngọc Sơn

Giám đốc

Quảng Bình, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Số: 073/2019/BCKT-PB.00007

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình được lập ngày 25/02/2019, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Tuấn Vũ

Phó giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2030-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Lê Viết Cường

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2478-2018-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2018	01/01/2018
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		57.407.663.265	58.494.323.136
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	11.813.358.945	5.425.291.011
1. Tiền	111		11.813.358.945	5.425.291.011
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.021.784.063	49.346.831.647
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	40.450.494.213	47.227.787.369
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.681.289.850	2.229.044.278
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.3	(110.000.000)	(110.000.000)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.5	3.572.520.257	3.722.200.478
1. Hàng tồn kho	141		3.749.190.195	3.898.870.416
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(176.669.938)	(176.669.938)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.988.395.725	15.879.758.773
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		12.988.395.725	15.722.561.500
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	12.988.395.725	15.722.561.500
- Nguyên giá	222		35.016.560.950	35.016.560.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.028.165.225)	(19.293.999.450)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		-	157.197.273
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	-	157.197.273
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		70.396.058.990	74.374.081.909

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2018	01/01/2018
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		49.832.499.813	54.248.741.130
I/ Nợ ngắn hạn	310		49.832.499.813	54.248.741.130
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.7	16.099.597.453	14.386.431.538
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	3.249.391.597	3.365.790.968
3. Phải trả người lao động	314		20.917.803.175	21.722.000.942
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		75.000.000	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.9	2.891.661.785	11.076.152.927
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		4.300.000.000	1.204.339.873
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.299.045.803	2.494.024.882
II/ Nợ dài hạn	330		-	-
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.563.559.177	20.125.340.779
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.11	20.563.559.177	20.125.340.779
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.605.000.000	17.605.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		17.605.000.000	17.605.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		252.034.078	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.706.525.099	2.520.340.779
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.706.525.099	2.520.340.779
III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		70.396.058.990	74.374.081.909



Trần Ngọc Sơn
Giám đốc

Quảng Bình, ngày 25 tháng 02 năm 2019

nam

Mai Thị Tuyết Lan
Kế toán trưởng

Như

Nguyễn Thị Nhớ
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	135.138.537.107	140.031.422.021
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		135.138.537.107	140.031.422.021
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	118.231.333.748	124.846.731.651
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.907.203.359	15.184.690.370
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	820.418.315	714.783.866
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.863.014	1.581.917
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.863.014	1.581.917
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	14.335.380.983	11.638.311.501
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.390.377.677	4.259.580.818
11. Thu nhập khác	31	6.6	28.716.792	141.028.744
12. Chi phí khác	32	6.7	28.750.476	1.027.733.665
13. Lợi nhuận khác	40		(33.684)	(886.704.921)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.390.343.993	3.372.875.897
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	683.818.894	852.535.118
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.706.525.099	2.520.340.779
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.537	1.432
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	1.537	1.432



Trần Ngọc Sơn
Giám đốc

Quảng Bình, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Mai Thị Tuyết Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nhớ
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2018	Năm 2017
I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	139.852.107.540	136.609.251.121
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(54.045.516.934)	(60.094.481.056)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(59.866.580.665)	(70.295.049.837)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.863.014)	(1.581.917)
5. Thuế TNDN đã nộp	05	(602.132.826)	(924.060.870)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.727.036.766	3.265.607.563
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(23.734.901.248)	(22.587.237.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.328.149.619	(14.027.552.806)
II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.575.463.883)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	820.418.315	714.783.866
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	820.418.315	(860.680.017)
III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	1.300.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(1.300.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.760.500.000)	(1.760.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.760.500.000)	(1.760.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.388.067.934	(16.648.732.823)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.425.291.011	22.074.023.834
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.813.358.945	5.425.291.011



Trần Ngọc Sơn
Giám đốc

Quảng Bình, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Mai Thị Tuyết Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nhó
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3100213455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 06/12/2010, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 01/03/2018.

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình, thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Ngày 14/01/2016 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình doanh nghiệp cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3100213455.

Trụ sở chính của Công ty tại số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 5 là 17.605.000.000 VND (Bằng chữ: Mười bảy tỷ, sáu trăm lẻ năm triệu đồng).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

- Hỗ trợ vận tải đường sắt;
- Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt.

1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt: Quản lý, duy tu sửa chữa theo từng cấp kỹ thuật hệ thống cầu đường đảm bảo an ninh cho tàu chạy thông suốt trong mọi tình huống; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt; Dịch vụ vận chuyển;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng, lắp đặt các công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng, sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông; các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng, sửa chữa các công trình xây dựng dân dụng;
- Khách sạn: Kinh doanh khách sạn;
- Nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh nhà nghỉ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Kinh doanh nhà hàng, ăn uống, giải khát;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê phương tiện vận chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

1.4 Cấu trúc công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp Xây dựng công trình	Số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty
Khách sạn Đường sắt Quảng Bình	Đường Trương Pháp, phường Hải Thành, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty
Xí nghiệp Sản xuất vật liệu và Xây dựng tổng hợp	Đường Hoàng Diệu, phường Nam Lý, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí có liên quan trực tiếp khác;
- Đối với các nhóm hàng tồn kho khác: Giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hoạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

4.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.11 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.13 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2018</u> VND	<u>01/01/2018</u> VND
Tiền mặt	14.933.743	10.718.871
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.798.425.202	5.414.572.140
Cộng	<u>11.813.358.945</u>	<u>5.425.291.011</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	34.389.828.213	-	42.905.592.322	-
Tổng công ty đường sắt Việt Nam	31.584.912.313	-	31.022.480.028	-
Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn	-	-	7.880.228.741	-
Công ty CP Quản lý Đường sắt Hà Ninh	196.711.300	-	1.166.083.000	-
Công ty CP Quản lý Đường sắt Nghệ Tĩnh	-	-	130.309.494	-
Công ty CP Quản lý Đường sắt Bình Trị Thiên	392.237.440	-	803.908.704	-
Công ty CP Quản lý Đường sắt Phú Khánh	-	-	979.078.000	-
Công ty CP Quản lý Đường sắt Thuận Hải	923.751.747	-	652.718.715	-
Công ty CP Quản lý Đường sắt Sài Gòn	1.082.661.343	-	270.785.640	-
Công ty CP TTTH Đường sắt Đà Nẵng	209.554.070	-	-	-
Các bên khác	6.060.666.000	(110.000.000)	4.322.195.047	(110.000.000)
Công ty Hữu hạn Tập đoàn Cục 6 Đường sắt Trung Quốc	5.567.148.000	-	2.946.578.000	-
Công ty CP Công trình 2	110.000.000	(110.000.000)	110.000.000	(110.000.000)
Công ty CP Đầu tư Công trình Thành Phát	-	-	514.759.642	-
Công ty Cơ khí và Xây dựng	-	-	209.865.505	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	383.518.000	-	540.991.900	-
Cộng	40.450.494.213	(110.000.000)	47.227.787.369	(110.000.000)

5.3 Nợ xấu

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty CP Công trình 2	110.000.000	-	110.000.000	-
Cộng	110.000.000	-	110.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	982.081.751	-	569.901.707	-
Phải thu Tổng công ty Đường sắt Việt Nam chi phí thu gom, vận chuyển VTTH	982.081.751	-	569.901.707	-
Các bên khác	699.208.099	-	1.659.142.571	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	123.000.000	-	403.149.000	-
Phải thu tạm ứng công trình Km 467+900	-	-	620.942.975	-
Bảo hiểm NLD phải nộp	237.570.826	-	262.107.958	-
Phải thu khác	338.637.273	-	372.942.638	-
Cộng	1.681.289.850	-	2.229.044.278	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.429.362.711	(176.669.938)	1.495.731.709	(176.669.938)
Công cụ, dụng cụ	77.680.016	-	87.177.428	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	1.242.147.468	-	2.096.511.359	-
Thành phẩm	-	-	219.449.920	-
Cộng	3.749.190.195	(176.669.938)	3.898.870.416	(176.669.938)

(*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Thi công đường sắt trên cao Cát Linh - Hà Đông	-	1.158.423.533
Cứu chữa, khắc phục trật bánh tàu AH2 ga Thượng Lâm	335.836.803	-
Các công trình khác	906.310.665	938.087.826
Cộng	1.242.147.468	2.096.511.359

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH
Số 377 đường Trần Hưng Đạo, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2018	21.331.854.174	5.144.914.634	8.427.428.506	112.363.636	35.016.560.950
Số dư tại 31/12/2018	21.331.854.174	5.144.914.634	8.427.428.506	112.363.636	35.016.560.950
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư tại 01/01/2018	10.069.429.705	2.633.408.268	6.481.197.841	109.963.636	19.293.999.450
Khấu hao trong năm	1.009.941.533	802.137.426	919.686.816	2.400.000	2.734.165.775
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	11.079.371.238	3.435.545.694	7.400.884.657	112.363.636	22.028.165.225
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2018	11.262.424.469	2.511.506.366	1.946.230.665	2.400.000	15.722.561.500
Số dư tại 31/12/2018	10.252.482.936	1.709.368.940	1.026.543.849	-	12.988.395.725

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

6.842.266.867

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.7 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các bên liên quan	5.349.933.540	5.349.933.540	10.546.829.841	10.546.829.841
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	3.521.456.710	3.521.456.710	4.237.486.035	4.237.486.035
Công ty CP Đường sắt Hà Hải	-	-	8.785.000	8.785.000
Công ty CP TTTH Đường sắt Vinh	213.284.000	213.284.000	65.492.000	65.492.000
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	671.713.202	671.713.202	305.025.200	305.025.200
Công ty CP Tổng công ty công trình Đường sắt CN Khai thác Đường sắt Thừa Thiên Huế	-	-	5.788.090.000	5.788.090.000
Công ty CP TTTH Đường sắt Đà Nẵng	-	-	2.600.676	2.600.676
Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	737.556.348	737.556.348	-	-
Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng	90.000.000	90.000.000	-	-
Công ty CP Công trình 6	115.923.280	115.923.280	-	-
Các bên khác	10.749.663.913	10.749.663.913	3.839.601.697	3.839.601.697
Công ty CP Đá Hoàng Mai	1.757.431.500	1.757.431.500	534.958.600	534.958.600
Công ty CP Đầu tư Công trình Hà Nội	2.141.727.929	2.141.727.929	42.306.070	42.306.070
Công ty CP Cơ khí Đường sắt Đà Nẵng	667.950.475	667.950.475	142.365.520	142.365.520
Công ty CP SXVL & XDCT 405	155.878.800	155.878.800	89.073.600	89.073.600
Công ty TNHH Thiên Ân	259.646.141	259.646.141	292.587.809	292.587.809
Công ty TNHH XD TM Tổng hợp 179	455.073.850	455.073.850	312.773.062	312.773.062
Công ty TNHH TB Công nghiệp Nam Việt	550.027.500	550.027.500	813.236.504	813.236.504
Công ty TNHH Ngành Phê	239.921.280	239.921.280	99.637.886	99.637.886
Công ty CP Thiết bị & Vật tư TH Việt Nam	654.292.870	654.292.870	-	-
Công ty CP đầu tư XD & TM Đăng Quang	194.393.100	194.393.100	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	3.673.320.468	3.673.320.468	1.512.662.646	1.512.662.646
Cộng	16.099.597.453	16.099.597.453	14.386.431.538	14.386.431.538

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí vận chuyển, phí thẩm định giá vật thu hồi từ dự án	-	157.197.273
Cộng	-	157.197.273

5.9 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018		
Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND		
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	
<i>Các bên khác</i>	2.891.661.785	2.891.661.785	11.076.152.927	11.076.152.927	
Phải bồi thường thiệt hại tàu trật bánh	666.843.359	666.843.359	8.547.072.100	8.547.072.100	
Kinh phí ray P50 L25m dự án	732.435.802	732.435.802	-	-	
Phí, lãi vay MMTB dự án ODA bị xuất toán năm 2015, 2016	357.346.499	357.346.499	-	-	
Phải trả khác	1.135.036.125	1.135.036.125	2.529.080.827	2.529.080.827	
Cộng	2.891.661.785	2.891.661.785	11.076.152.927	11.076.152.927	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH
Số 377 đường Trần Hưng Đạo, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	2.686.021.366	8.258.112.539	8.046.213.989	2.897.919.916
Thuế thu nhập doanh nghiệp	563.370.231	602.132.826	697.632.005	467.871.052
Thuế thu nhập cá nhân	-	199.775.498	199.775.498	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	982.130.102	982.130.102	-
Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
Cộng	3.249.391.597	10.050.150.965	9.933.751.594	3.365.790.968

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH
Số 377 đường Trần Hưng Đạo, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.11 Vốn chủ sở hữu
Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng	
Số dư tại 01/01/2017	17.605.000.000	-	2.473.841.619	20.078.841.619	
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	
Lãi trong năm trước	-	-	2.520.340.779	2.520.340.779	
Chia cổ tức	-	-	(1.760.500.000)	(1.760.500.000)	
Phân phối lợi nhuận	-	-	(713.341.619)	(713.341.619)	
Số dư tại 31/12/2017	17.605.000.000	-	2.520.340.779	20.125.340.779	
Số dư tại 01/01/2018	17.605.000.000	-	2.520.340.779	20.125.340.779	
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	
Lãi trong năm nay	-	-	2.706.525.099	2.706.525.099	
Chia cổ tức (i)	-	-	(1.760.500.000)	(1.760.500.000)	
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	252.034.078	(759.840.779)	(507.806.701)	
Số dư tại 31/12/2018	17.605.000.000	252.034.078	2.706.525.099	20.563.559.177	

(i) Theo Nghị quyết chi trả cổ tức năm 2017 Công ty Cổ phần đường sắt Quảng Bình số 09/NQ-HDQT ngày 07/05/2018.

(ii) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

Trích quỹ khen thưởng	Số tiền
Trích quỹ phúc lợi	VND
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	185.886.351
Trích quỹ đầu tư phát triển	185.886.350
	136.034.000
	252.034.078
	759.840.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	17.605.000.000	17.605.000.000
Vốn góp cuối năm	17.605.000.000	17.605.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.760.500.000	1.760.500.000

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018			01/01/2018		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	897.855	8.978.550.000	51,00%	897.855	8.978.550.000	51,00%
Ông Đỗ Bá Tâm	184.500	1.845.000.000	10,48%	184.500	1.845.000.000	10,48%
Bà Mai Thị Tuyết Lan	96.745	967.450.000	5,50%	96.745	967.450.000	5,50%
Ông Nguyễn Văn Minh	93.550	935.500.000	5,31%	93.550	935.500.000	5,31%
Các đối tượng khác	487.850	4.878.500.000	27,71%	487.850	4.878.500.000	27,71%
Cộng	1.760.500	17.605.000.000	100%	1.760.500	17.605.000.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.760.500	1.760.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.760.500	1.760.500
Cổ phiếu phổ thông	1.760.500	1.760.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.500	1.760.500
Cổ phiếu phổ thông	1.760.500	1.760.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu hoạt động sửa chữa thường xuyên KTHĐTĐS	116.309.255.466	96.221.385.476
Doanh thu hoạt động khác	18.829.281.641	43.810.036.545
Cộng	135.138.537.107	140.031.422.021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	126.051.457.502	116.465.414.567
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	-	945.308.000
Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	407.007.803	726.891.295
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	1.122.780.145	1.186.761.299
Công ty CP Đường sắt Thuận Hải	839.774.315	593.380.650
Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	1.090.471.621	593.380.650
Ban Quản lý dự án Đường sắt KV2		1.277.103.545
Công ty CP Đường sắt Hà Ninh	72.820.909	1.060.075.455
Công ty CP Đường sắt Phú Khánh	-	890.070.909
Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn	-	7.163.844.311
Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	-	237.440.000
Công ty CP TTTT Đường sắt Đà Nẵng	886.108.182	-
Cộng	130.470.420.477	131.139.670.681

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hoạt động sửa chữa thường xuyên KTHTĐS	99.682.371.541	81.996.884.286
Giá vốn hoạt động khác	18.548.962.207	42.849.847.365
Cộng	118.231.333.748	124.846.731.651

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	820.418.315	714.783.866
Cộng	820.418.315	714.783.866

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	1.863.014	1.581.917
Cộng	1.863.014	1.581.917

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.101.277.075	6.889.064.677
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.234.103.908	4.749.246.824
Cộng	14.335.380.983	11.638.311.501

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tăng thu nhập do công nợ phải trả lâu năm nhưng không phải trả	-	77.843.972
Các khoản khác	28.716.792	63.184.772
Cộng	28.716.792	141.028.744

6.7 Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Phí, lãi vay MMTB dự án ODA không được quyết toán GTVT năm 2015, 2016 theo Thông báo số 324/TB-BGTVT	-	627.657.717
Chi phí thuế do chi phí bị xuất toán theo BB KTNN 2016	-	161.304.470
Chi phí bị xuất toán theo kết luận của Thanh tra Bộ GTVT tại Văn bản số 1725/KL-BGTVT	-	131.742.795
Các khoản khác	28.750.476	107.028.683
Cộng	28.750.476	1.027.733.665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.390.343.993	3.372.875.897
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	28.750.476	889.799.693
Các khoản điều chỉnh tăng	-	920.704.982
<i>Phí, lãi vay MMTB dự án ODA không được quyết toán</i>	-	627.657.717
<i>GTVT năm 2015, 2016 theo Thông báo số 324/TB-BGTVT</i>	-	-
<i>Chi phí thuế do chi phí bị xuất toán theo BB KTNN 2016</i>	-	161.304.470
<i>Chi phí bị xuất toán theo kết luận của Thanh tra Bộ GTVT tại Văn bản số 1725/KL-BGTVT</i>	-	131.742.795
Các khoản khác	28.750.476	46.938.683
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(77.843.972)
<i>Thu nhập đã tính nộp thuế theo biên bản kiểm toán nhà nước</i>	-	(77.843.972)
Thu nhập tính thuế TNDN	3.419.094.469	4.262.675.590
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	683.818.894	852.535.118
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	683.818.894	852.535.118

6.9 Lãi trên cổ phiếu

6.9.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.706.525.099	2.520.340.779
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	2.706.525.099	2.520.340.779
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu) (i)	1.760.500	1.760.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.537	1.432

Điều lệ hoạt động và quy chế tài chính của Công ty không quy định cụ thể về việc phải trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Đồng thời, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa đến kỳ tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Theo đó, Công ty không ước tính quỹ khen thưởng phúc lợi cần trích lập khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.9.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.706.525.099	2.520.340.779
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	2.706.525.099	2.520.340.779
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.760.500	1.760.500
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.537	1.432

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.776.683.210	36.777.134.239
Chi phí nhân công	60.670.778.432	70.801.811.526
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.647.163.995	2.490.353.255
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.143.985.527	10.381.742.643
Chi phí khác bằng tiền	11.039.457.248	6.665.151.673
Cộng	130.278.068.412	127.116.193.336

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

7.3 Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.813.358.945	-	5.425.291.011	-
Phải thu khách hàng	40.450.494.213	(110.000.000)	47.227.787.369	(110.000.000)
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	1.681.289.850	-	2.229.044.278	-
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
Cộng	53.945.143.008	(110.000.000)	54.882.122.658	(110.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	-
Phải trả người bán	16.099.597.453	14.386.431.538
Chi phí phải trả	75.000.000	-
Phải trả khác	2.891.661.785	11.076.152.927
Cộng	19.066.259.238	25.462.584.465

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất, giá hàng hóa và giá cổ phiếu.

Rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.813.358.945	-	-	11.813.358.945
Phải thu khách hàng	40.340.494.213	-	-	40.340.494.213
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	1.681.289.850	-	-	1.681.289.850
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
Cộng	53.835.143.008	-	-	53.835.143.008
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.425.291.011	-	-	5.425.291.011
Phải thu khách hàng	47.117.787.369	-	-	47.117.787.369
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	2.229.044.278	-	-	2.229.044.278
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
Cộng	54.772.122.658	-	-	54.772.122.658

Công ty xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	16.099.597.453	-	-	16.099.597.453
Chi phí phải trả	75.000.000	-	-	75.000.000
Phải trả khác	2.891.661.785	-	-	2.891.661.785
Cộng	19.066.259.238	-	-	19.066.259.238
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	14.386.431.538	-	-	14.386.431.538
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Phải trả khác	11.076.152.927	-	-	11.076.152.927
Cộng	25.462.584.465	-	-	25.462.584.465

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7.4 Thông tin về các bên liên quan

7.4.1 Danh sách bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Tổng Công ty Công trình Đường sắt	Công ty liên kết của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP công trình 6	Công ty đầu tư của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Tổng Công ty Công trình Đường sắt	Công ty liên kết của TCT Đường Sắt VN
	Đơn vị hoạch toán phụ thuộc của TCT Đường Sắt VN
CN Khai thác Đường sắt Thừa Thiên Huế	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Hà Hải	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Hà Ninh	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP TTTH ĐS Vinh	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP TTTH ĐS Đà Nẵng	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Thuận Hải	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Ông Đỗ Bá Tâm	Cổ đông lớn
Bà Mai Thị Tuyết Lan	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Văn Minh	Cổ đông lớn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

7.4.2 Giao dịch với các bên liên quan trong năm

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	
- Thuê máy móc thiết bị chuyên dùng	3.313.689.277
- Thuê nhà cung cầu đường, nhà làm việc, nhà lưu trú	248.230.826
- Nhận thanh toán kinh phí, khối lượng hoàn thành	126.051.457.502
- Phí, lãi vay MMTB dự án ODA	922.212.758
- Khen thưởng	15.800.000
Công ty CP Tổng Công ty Công trình Đường sắt	
- Mua ray	6.793.952.242
Công ty CP công trình 6	
- Trả tiền Hợp đồng	1.494.614.000
CN Khai thác Đường sắt Thừa Thiên Huế	
- Thuê chỉ huy, giám sát an toàn chạy tàu	2.600.676
Công ty CP Đường sắt Hà Hải	
- Thuê kiểm tra chất lượng cầu đường	8.785.000
Công ty CP Đường sắt Hà Ninh	
- Thi công, cải tạo các ĐN dự án 1856	80.103.000
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	
- Tạm ứng CT thi công sàng đá bằng máy sàng RM74BRU	500.000.000
- Trả thanh toán khối hoàn thành sàng đá	305.025.000
- Phải thu lãi, phí ngân hàng dự án ODA năm 2016	531.821.998
Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	
- Chi phí Nâng, giặt, chèn đường bằng máy chèn áo năm 2018	447.708.583
Công ty CP TTTT ĐS Vinh	
- Trả tiền Công trình sau lụt bão bước 2 năm 2016	65.492.000
Công ty CP TTTT ĐS Đà Nẵng	
- Nâng cấp, cải tạo 05 ĐN biển báo thành ĐN có cản chắn tự động	974.719.000
- Trả tiền HD khôi phục nâng cấp cống thoát nước Km 542+210	76.736.000
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	
- Nâng, giặt, chèn đường bằng máy chèn áo năm 2018	1.235.058.160
Công ty CP Đường sắt Thuận Hải	
- Nâng, giặt, chèn đường bằng máy chèn áo năm 2018	923.751.747
Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	
- Nâng, giặt, chèn đường bằng máy chèn áo năm 2018	1.199.518.783
Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt	
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc	1.743.434.000

7.4.3 Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã trình bày ở các Thuyết minh trên.

7.5 Báo cáo bộ phận

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động duy tu, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

7.6 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc.



Trần Ngọc Sơn
Giám đốc

Quảng Bình, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Mai Thị Tuyết Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nhớ
Người lập biểu

